

Số: /BC-UBND

Cao Bằng, ngày tháng 11 năm 2025

BÁO CÁO

Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025

Thực hiện đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 17417/BTC-NSNN ngày 10/11/2025 về việc Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Cao Bằng báo cáo như sau:

I. BỐI CẢNH TÌNH HÌNH

1. Tình hình thế giới và trong nước kể từ khi thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025

Tình hình thế giới và trong nước giai đoạn vừa qua biến động nhanh, mạnh, phức tạp, chưa có tiền lệ, nhiều rủi ro, khó dự báo, ảnh hưởng sâu, rộng, toàn diện, cần thời gian để ứng phó, thích ứng.

Trên thế giới, sự bùng phát đại dịch Covid-19 trên phạm vi toàn cầu từ đầu năm 2020 để lại hậu quả hết sức nặng nề về cả kinh tế và xã hội, nền kinh tế chưa kịp phục hồi sau đại dịch thì tiếp tục bị ảnh hưởng tiêu cực bởi sự bất ổn chính trị với tâm điểm là hai cuộc xung đột quân sự giữa Nga - Ukraine và xung đột tại các nước Trung Đông leo thang, có nguy cơ lan rộng; Trung Quốc kiên trì chính sách “Zero Covid” trong thời gian dài; sự điều chỉnh chính sách thuế, chiến tranh thương mại giữa các nước lớn diễn ra gay gắt; khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo có bước phát triển đột phá vừa tạo thời cơ, vừa đặt ra thách thức cho các quốc gia, dân tộc; thiên tai, biến đổi khí hậu và các hiện tượng thời tiết cực đoan ngày càng gia tăng cả về tần suất và mức độ nghiêm trọng... Những yếu tố này đã tác động mạnh đến tăng trưởng toàn cầu, gây bất ổn đối với nợ công, thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản, chuỗi cung ứng hàng hóa, hoạt động thương mại, đầu tư, tiêu dùng, an ninh năng lượng, an ninh lương thực... của các quốc gia.

Trong nước, nền kinh tế trải qua 03 giai đoạn cơ bản: kiểm soát dịch bệnh; thích ứng an toàn, linh hoạt, từng bước mở cửa trở lại; phục hồi và phát triển trong bối cảnh kinh tế thế giới nhiều biến động. Trước những khó khăn, thách thức chưa từng có, Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ đã lãnh đạo, chỉ đạo sáng suốt, kịp thời, ban hành nhiều chủ trương, quyết sách đúng đắn, có trọng tâm, trọng điểm. Đặc biệt, trong 2 năm cuối nhiệm kỳ, nhiều quyết sách mang tính đột phá đã được triển khai, để lại dấu ấn lịch sử như: sắp xếp tổ chức

bộ máy của hệ thống chính trị và đơn vị hành chính các cấp; đề ra các tư tưởng chỉ đạo mới¹, mở ra bước chuyển quan trọng đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới; xây dựng và triển khai phương án tăng trưởng kinh tế cao, tạo nền tảng tăng trưởng 2 con số giai đoạn 2026-2030; thực hiện chính sách miễn học phí cho học sinh từ mầm non đến trung học phổ thông công lập; xóa toàn bộ nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước... Việt Nam được cộng đồng quốc tế đánh giá là một trong số ít quốc gia kiểm soát tốt, thích ứng linh hoạt và hiệu quả sau đại dịch Covid-19 cũng như trước các biến động toàn cầu; kinh tế vĩ mô tiếp tục duy trì ổn định: lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn được đảm bảo, tăng trưởng kinh tế đạt mức khá so với khu vực và thế giới; niềm tin của người dân, doanh nghiệp được củng cố; cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của đất nước tiếp tục được nâng cao.

2. Những thuận lợi, khó khăn của tỉnh Cao Bằng trong triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

Tỉnh Cao Bằng triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 trong bối cảnh đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức liên tiếp, diễn biến nhanh, phức tạp, tác động đa chiều, bất lợi hơn hẳn so với các kỳ kế hoạch trước.

Ngay từ đầu kỳ, đại dịch Covid-19 đã tác động sâu rộng đến mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội và gây hậu quả kéo dài. Trong hơn nửa chặng đường giai đoạn 2021-2025, tỉnh phải dồn lực cho công tác phòng, chống dịch và phục hồi sau đại dịch. Giữa kỳ, tình hình thiên tai, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, bất thường. Đặc biệt, là cơn bão số 3 (Yagi) năm 2024, cơn bão số 10 (Bualoi), số 11 (Matmo) năm 2025 và hoàn lưu sau bão có phạm vi ảnh hưởng rộng khắp, với nhiều loại hình thiên tai đồng loạt xảy ra cùng thời điểm như mưa lớn, ngập lụt, sạt lở đất, đá... đã gây thiệt hại nghiêm trọng về người, tài sản của nhà nước và Nhân dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Trong tỉnh, một số điểm nghẽn, nút thắt cổ hũu chưa được tháo gỡ triệt để: Quy mô nền kinh tế nhỏ, ngân sách phụ thuộc vào trung ương; cơ sở hạ tầng (giao thông, du lịch - dịch vụ, cửa khẩu, đô thị, nông thôn...) yếu và thiếu đồng bộ; chất lượng nguồn nhân lực thấp; vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên không thuận lợi cho phát triển kinh tế quy mô lớn (xa các trung tâm kinh tế lớn của cả nước, địa hình chia cắt mạnh, độ dốc lớn, đất sản xuất kinh doanh, đất nông nghiệp có thể sản xuất chiếm tỷ lệ nhỏ...); quy mô các thành phần kinh tế nhỏ hẹp, năng lực cạnh tranh thấp, khả năng hấp thu khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số còn hạn chế; dân cư sống phân tán, không tập trung, gần 95% là đồng bào dân tộc thiểu số, trình độ dân trí, chênh lệch mức sống giữa các vùng miền, tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo còn cao. Cùng với đó, tỉnh tập trung giải quyết

¹ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/1/2025 của Bộ Chính trị về Hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

các khó khăn, vướng mắc, các vấn đề phát sinh để ổn định tình hình sau khi thực hiện các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp giảm 03 đơn vị hành chính cấp huyện, 38 đơn vị hành chính cấp xã từ đầu năm 2020; triển khai cuộc cách mạng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, kết thúc hoạt động của cấp huyện, tổ chức lại 161 xã thành 56 xã, phường mới vào năm cuối kỳ. Quản lý, phát triển xã hội còn nhiều hạn chế, chưa theo kịp yêu cầu phát triển; tâm tư, nguyện vọng của một bộ phận cán bộ bị ảnh hưởng sau sắp xếp đơn vị hành chính; một bộ phận cán bộ có tâm lý né tránh, sợ sai, đùn đẩy trách nhiệm; trình độ, năng lực, trách nhiệm của một số cán bộ, công chức chưa đáp ứng yêu cầu công việc; một bộ phận người dân thiếu khát vọng đổi mới, vươn lên, còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại... Tất cả những yếu tố trên đã ảnh hưởng đến tốc độ và chất lượng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, gây khó khăn trong việc tạo đột phá, bứt phá phát triển nhanh và bền vững.

Bên cạnh những khó khăn, thách thức đa chiều, việc triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 trên địa bàn tỉnh có những thuận lợi cơ bản, đó là: sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ và sự hỗ trợ, phối hợp của các Ban, Bộ, ngành Trung ương và các tỉnh, thành phố trong cả nước; các chính sách điều hành kinh tế vĩ mô chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả của Chính phủ đã tạo tiền đề để tỉnh phục hồi và phát triển sau dịch bệnh, thiên tai; Đảng bộ tỉnh đã xác định rõ 5 lợi thế, 3 điểm nghẽn, nút thắt của tỉnh, xây dựng 03 Chương trình trọng tâm, 03 nội dung đột phá để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện hiệu quả; các dự án đầu tư công giai đoạn 2021-2025, đặc biệt là các dự án hạ tầng trọng điểm, trong đó có dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) dự kiến thông tuyến vào cuối năm 2025 là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế cửa khẩu, logistics và giao thương, đồng thời mở ra cơ hội thu hút đầu tư, phát triển du lịch, nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo sự liên kết vùng và góp phần đảm bảo quốc phòng, an ninh; tỉnh cũng rút ra nhiều bài học kinh nghiệm quý báu từ thực tiễn chỉ đạo, điều hành trong bối cảnh khó khăn, thách thức cả trong và ngoài nước; cùng với đó, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, khối đại đoàn kết toàn dân và sự thống nhất trong hệ thống chính trị được củng cố, phát huy mạnh mẽ.

Nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thống nhất, toàn diện của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; sự đồng thuận, ủng hộ của cộng đồng doanh nghiệp và người dân cùng với sự nỗ lực phấn đấu, tranh thủ thời cơ, thuận lợi, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, thách thức của các cấp, các ngành và toàn hệ thống chính trị, kinh tế - xã hội của tỉnh đã từng bước phục hồi và phát triển với nhiều điểm sáng, nhiều dấu ấn nổi bật trên các lĩnh vực, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong thời gian tới.

II. Tình hình thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2021 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã

hội 5 năm 2021-2025

1. Công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện

Ngay sau khi Chính phủ ban hành Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021, Ban cán sự Đảng UBND tỉnh đã chủ động xây dựng Chương trình hành động số 301-CTr/BCSD ngày 27/9/2021, đồng thời UBND tỉnh ban hành Công văn số 2421/UBND-TH ngày 13/9/2021 tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021 của Chính phủ để hướng dẫn, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết đến các sở, ngành, địa phương, bảo đảm toàn bộ hệ thống chính trị nhận thức đầy đủ và thống nhất về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được giao.

Công tác chỉ đạo được thực hiện theo nguyên tắc “rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ kết quả”, với việc phân công cụ thể từng sở, ngành, địa phương chịu trách nhiệm triển khai các nhiệm vụ, giải pháp, đồng thời xác định rõ tiến độ và chỉ tiêu cụ thể. UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành và địa phương xây dựng chương trình hành động riêng, lồng ghép các nhiệm vụ của Nghị quyết 99/NQ-CP vào các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, bao gồm: tăng trưởng kinh tế, cải thiện môi trường đầu tư, phát triển nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, giáo dục - đào tạo, y tế và bảo vệ môi trường. Song song với đó, công tác tuyên truyền, phổ biến, tập huấn được triển khai thường xuyên, giúp nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và đội ngũ quản lý tại các cơ quan, đơn vị.

UBND tỉnh cũng thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát và đánh giá định kỳ, bảo đảm việc thực hiện nhiệm vụ theo đúng tiến độ, kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc để có giải pháp điều chỉnh phù hợp. Việc triển khai Nghị quyết 99/NQ-CP không chỉ được gắn kết với các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh mà còn được tích hợp vào công tác quản lý, điều hành, bảo đảm sự thống nhất giữa mục tiêu chiến lược của Trung ương và thực tiễn phát triển của địa phương. Nhờ đó, các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp và Nghị quyết 99/NQ-CP được triển khai đồng bộ, hiệu quả, góp phần nâng cao năng lực quản lý, điều hành của chính quyền các cấp và tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của tỉnh.

Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức và phối hợp triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trong Chương trình hành động của UBND tỉnh được thực hiện một cách chủ động, hiệu quả và đồng bộ. Các sở, ngành và địa phương đã bám sát định hướng của Trung ương và chương trình hành động của tỉnh, xây dựng kế hoạch cụ thể, phân công nhiệm vụ rõ ràng, đảm bảo tiến độ và kết quả theo yêu cầu. Việc phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị được tăng cường, từ việc trao đổi thông tin, thống nhất phương án triển khai đến hỗ trợ giải quyết khó khăn, vướng mắc tại cơ sở. Qua đánh giá, các nhiệm vụ trọng tâm của Chương trình hành động đã được triển khai nghiêm túc, đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành, tạo sự đồng thuận và thống nhất cao trong toàn hệ thống chính trị, góp phần hiện thực hóa các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo Nghị quyết số 99/NQ-CP.

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu

2.1. Kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19, bảo đảm đời sống xã hội trở lại hoạt động bình thường, tạo nền tảng quan trọng để phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội và được quốc tế đánh giá cao. Huy động mọi nguồn lực xã hội cho phòng, chống dịch. Tình hình triển khai thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế sau đại dịch Covid-19.

Cao Bằng có trên 333km đường biên giới với Trung Quốc, là tuyến đầu phòng chống dịch Covid-19 xâm nhập, đón lượng người từ Trung Quốc trở về nhiều nhất cả nước; thực hiện chiến lược “phòng dịch từ xa” với phương châm đi trước một bước và cao hơn một mức để không phải chống dịch, tỉnh đã triển khai thực hiện tốt công tác kiểm soát, phòng chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh. Trải qua 04 đợt bùng phát dịch trong cả nước, Cao Bằng là địa phương cuối cùng bị dịch xâm nhập, ca bệnh đầu tiên được ghi nhận vào tháng 11/2021. Trong giai đoạn bùng phát dịch bệnh, tỉnh đã quyết liệt chỉ đạo các cấp, các ngành tập trung thực hiện “mục tiêu kép” vừa quyết liệt phòng chống dịch bệnh, vừa duy trì và phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội, bảo đảm đời sống nhân dân: Chủ động, linh hoạt bám sát tình hình và quyết định áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch bệnh phù hợp; các cơ sở y tế thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên môn trong phòng, chống dịch; thiết lập cơ sở thu dung, điều trị theo mô hình tháp 3 tầng; triển khai xét nghiệm sàng lọc theo vùng nguy cơ và nhóm nguy cơ; truy vết thân tốc F1, cách ly điều trị, bóc tách F0; đẩy nhanh tiến độ bao phủ vắc-xin; tăng cường giám sát, theo dõi, cập nhật tình hình dịch bệnh; kịp thời hướng dẫn các biện pháp kiểm soát, giải quyết các vướng mắc phát sinh trong các hoạt động đi lại, làm việc, học tập, sản xuất kinh doanh... của người dân, doanh nghiệp; chuẩn bị sẵn sàng cơ sở vật chất, bảo đảm thuốc, vật tư, trang thiết bị; tiếp cận sớm với các nguồn thuốc điều trị đặc hiệu. Đến năm 2023, dịch bệnh Covid - 19 cơ bản đã được kiểm soát. Toàn tỉnh Cao Bằng ghi nhận 99.418 người mắc Covid -19, tử vong 67 người; đến nay: toàn tỉnh đã tiêm được 1.344.719 mũi tiêm. Tháng 10/2023, Bộ Y tế đã công bố điều chỉnh Covid-19 từ bệnh truyền nhiễm nhóm A sang bệnh truyền nhiễm nhóm B. Qua đó, công tác y tế dự phòng càng được tỉnh quan tâm củng cố, với phương châm dự phòng là chính; thực hiện tốt chương trình tiêm chủng mở rộng tại 100% các xã, phường.

Nửa đầu nhiệm kỳ, dịch Covid-19 bùng phát, diễn biến phức tạp; một số lĩnh vực kinh tế - xã hội phục hồi chậm sau đại dịch: chính sách thương mại biên giới hai bên Việt Nam - Trung Quốc còn chưa tương đồng, thống nhất; phía nước bạn thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 để theo đuổi chiến lược “Zero Covid” làm đứt gãy các chuỗi cung ứng, giá cả nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, giá bán một số sản phẩm lại thấp nên ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh, nhất là một số sản phẩm công nghiệp chủ lực của tỉnh; hoạt động xuất nhập khẩu, thương mại, dịch vụ chịu tác động mạnh; việc thực hiện các giải pháp gia hạn nộp thuế, ưu đãi về thuế để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân trong bối cảnh dịch bệnh đã ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn thu ngân sách; mặt khác, tình hình thời tiết diễn biến phức

tập, thiên tai, dịch bệnh khó lường, đặc biệt chịu ảnh hưởng nặng nề bởi cơn bão số 3 (Yagi) đã ảnh hưởng lớn đến kết quả phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2.2. Về phát triển kinh tế

2.2.1. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP); chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn tỉnh

Nền kinh tế của tỉnh từng bước phục hồi sau đại dịch, duy trì tăng trưởng qua các năm, cụ thể: Tăng trưởng GRDP năm 2021 -0,62%; năm 2022 tăng 4,46%; năm 2023 tăng 3,73%; ước tính năm 2024 tăng 6,74%; dự kiến năm 2025 tăng 8%. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân giai đoạn 2021-2025 ước tăng 4,46%/năm, trong đó: Lĩnh vực nông - lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,97%/ năm, lĩnh vực công nghiệp - xây dựng tăng 0,44%/năm, lĩnh vực dịch vụ tăng 6,58%/năm (là điểm sáng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh với tốc độ tăng trưởng khá cao so với giai đoạn trước, khi không chịu tác động bởi dịch bệnh), thuế sản phẩm trừ trợ cấp tăng 5,69%/năm. Chất lượng tăng trưởng được cải thiện: năng suất lao động xã hội đến năm 2025 ước đạt 120 triệu đồng, tăng gấp 2,2 lần giai đoạn trước; đóng góp năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào GRDP giai đoạn đạt khoảng trên 35%; tỷ trọng kinh tế số chiếm khoảng 7,57% GRDP, tăng 0,68 điểm % so với giai đoạn trước; chỉ số phát triển con người (HDI) ước đạt 0,671 điểm, tăng 0,03 điểm.

Quy mô nền kinh tế của tỉnh tiếp tục được mở rộng: GRDP năm 2025 (theo giá hiện hành) ước đạt 28.618 tỷ đồng, chiếm 0,22% tổng GDP, gấp 1,5 lần quy mô nền kinh tế năm 2020 (19.089 tỷ đồng). GRDP bình quân đầu người năm 2025 ước đạt 50,73 triệu đồng/người/năm, gấp 1,4 lần GRDP bình quân đầu người năm 2020 (35,81 triệu đồng/người/năm), bằng 67,2% GRDP bình quân đầu người khu vực Trung du và Miền núi phía Bắc, bằng 40,58% GDP bình quân đầu người của cả nước².

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch nhẹ so với năm 2020 theo đúng định hướng: tăng tỉ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ; giảm tỉ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản. Cụ thể, ước đến hết năm 2025: lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 20,42%, giảm 2,67 điểm %; lĩnh vực công nghiệp - xây dựng chiếm 19,91%, giảm 0,27 điểm %; lĩnh vực dịch vụ chiếm 53,25%, tăng 2,69 điểm %; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 3,67%, tăng 0,25 điểm %.

2.2.2. Nông, lâm nghiệp và thủy sản gắn với xây dựng nông thôn mới

Mặc dù chịu tác động của thiên tai, dịch bệnh, ngành nông nghiệp tiếp tục giữ vai trò trụ đỡ của nền kinh tế với những bước phát triển mới, khai thác tốt hơn tiềm năng, lợi thế của địa phương, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực và nâng cao đời sống nhân dân.

Tốc độ tăng trưởng bình quân toàn ngành ước đạt 2,97%/năm, tăng 0,37 điểm % so với giai đoạn 2016-2020. Giá trị sản phẩm nông, lâm, thủy sản trên

² Theo ước tính GRDP bình quân đầu người Khu vực Trung du Miền núi phía Bắc năm 2025 đạt 75,48 triệu đồng/người/năm; GDP bình quân đầu người của Việt Nam đạt khoảng 5000 USD.

01 đơn vị diện tích (ha) đạt 50 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch. Cơ cấu kinh tế nội bộ ngành nông nghiệp chuyển dịch tích cực theo hướng giảm dần tỷ trọng ngành trồng trọt, tăng dần tỷ trọng các ngành chăn nuôi, lâm nghiệp và dịch vụ nông nghiệp, trong đó: ước tính đến hết năm 2025, tỉ trọng các ngành so với năm 2020 đạt như sau: trồng trọt đạt 58,41%, giảm 0,72 điểm %; chăn nuôi đạt 29,1%, tăng 0,43 điểm %; dịch vụ nông nghiệp đạt 3,02%, tăng 0,2 điểm %; lâm nghiệp đạt 9,09%, tăng 0,6 điểm %; thủy sản đạt 0,38%, tăng 0,03 điểm %.

Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 293,53 nghìn tấn, tăng 6,93% so với giai đoạn trước, bằng 101,9% kế hoạch; diện tích các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao được mở rộng, sản lượng tăng cao qua các năm³. Một số vùng sản xuất hàng hóa nông nghiệp đã được hình thành với sự liên kết “4 nhà” tương đối rõ nét, như: Vùng thuốc lá; vùng mía; vùng sắn; vùng trúc sào; vùng cây quế, hồi phục vụ nhu cầu tiêu thụ trong tỉnh, một số tỉnh lân cận và thị trường Trung Quốc. Việc ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển mô hình cây trồng đặc sản: quýt, lê, cây dược liệu, cây chè bước đầu đem lại hiệu quả kinh tế, cải thiện và nâng cao thu nhập, đời sống của người dân. Chuyển dần từ sản xuất hàng hóa nhỏ lẻ sang sản xuất các sản phẩm hàng hóa theo tiêu chuẩn chất lượng phù hợp với yêu cầu của thị trường: toàn tỉnh có khoảng 750ha cây trồng sản xuất theo quy trình nông nghiệp hữu cơ hoặc theo hướng sản xuất nông nghiệp hữu cơ; 92,6ha cây trồng và 85 đơn vị vật nuôi được chứng nhận VietGAP; 13 cơ sở sản xuất, kinh doanh được chứng nhận Phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), 6 cơ sở được chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (ISO 22000), nhiều sản phẩm OCOP của tỉnh đã khẳng định được vị trí trên thị trường trong và ngoài tỉnh; các sản phẩm đặc sản, ngành nghề nông thôn gắn với lợi thế về điều kiện sản xuất, vùng nguyên liệu và văn hóa truyền thống được phát huy để gia tăng giá trị sản phẩm, khơi dậy được tiềm năng, thế mạnh của các địa phương trong tỉnh.

Sản xuất chăn nuôi, thủy sản phát triển ổn định, tăng trưởng qua các năm. Ngành chăn nuôi đã khai thác tốt lợi thế của tỉnh, tập trung phát triển chăn nuôi lợn, gà, trâu, bò, dê..., đẩy mạnh thực hiện các cơ chế, chính sách để hỗ trợ thúc đẩy người dân mạnh dạn đầu tư phát triển chăn nuôi theo chiều sâu, nâng cao giá trị sản xuất và kinh tế hộ gia đình. Tổng đàn gia súc có sự tăng trưởng so với giai đoạn trước, trong đó đàn trâu 107.449 con, tăng 2,72% so với giai đoạn trước; đàn bò 119.211 con, tăng 2,48% so với giai đoạn trước; đàn lợn 366.982 con, tăng 17,23% so với giai đoạn trước; đàn gia cầm 3.119,42 nghìn con, tăng 9,73% so với giai đoạn trước. Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước đạt

³ Cây Lê: Trồng mới được 188,17ha, bằng 58,97% KH giai đoạn, nâng tổng diện tích cây Lê hiện có của toàn tỉnh lên 484,3ha. Cây Dẻ: Trồng mới được 272,16ha, bằng 38,9% KH giai đoạn, nâng tổng diện tích cây Dẻ toàn tỉnh lên 789,21ha. Cây Thạch đen: Tiếp tục duy trì ổn định diện tích toàn tỉnh là 570ha, năng suất ước đạt 55,3 tạ/ha. Cây thuốc lá trồng mới được 3.597ha, tương ứng 359,7% KH giai đoạn, nâng tổng diện tích toàn tỉnh lên 6.549ha, năng suất ước đạt 27 tạ/ha; sản lượng ước đạt 17.284,54 tấn. Cây Hồi: trồng mới được 2.346,9ha, đạt 469,38% KH giai đoạn, nâng tổng diện tích cây hồi toàn tỉnh lên 6.863,75ha. Cây Quế: trồng mới được 3.411,99ha, đạt 189,56% KH giai đoạn, nâng tổng diện tích toàn tỉnh lên 5875,99ha. Cây Mắc ca (là cây trồng mới), hiện nay tổng diện tích toàn tỉnh có 313 ha, đạt 52,1% KH giai đoạn. Cây Trúc sào: trồng mới được 326ha, bằng 27,17% KH giai đoạn, nâng tổng diện tích toàn tỉnh lên 4.513,03ha.

43.600 tấn, tăng 22,9% so với giai đoạn trước, trong đó sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng đạt 31.037 tấn, tăng 27,5% so với giai đoạn trước. Diện tích nuôi trồng thủy sản duy trì ổn định khoảng 380ha, tổng sản lượng thủy sản ước đạt 670 tấn, tăng 54,3% so với giai đoạn trước.

Quan tâm đẩy mạnh công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; triển khai thực hiện tốt công tác giao đất, giao rừng cho các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức sử dụng lâu dài. Các ngành chức năng đã thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp kiểm soát, bảo vệ, phòng, chống cháy rừng; xử lý kịp thời, ngăn chặn có hiệu quả các vụ khai thác, vận chuyển, buôn bán lâm sản và chặt phá rừng trái phép. Trong giai đoạn đã triển khai trồng mới 4.536,09 ha rừng, nâng tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2021-2025 ước đạt 55,06% (đạt 91,7% kế hoạch); đã rà soát, tích hợp điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng vào Quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Đẩy mạnh hỗ trợ thực hiện các kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị bằng nguồn vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia. Trong giai đoạn đã triển khai hỗ trợ thực hiện 130 kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; tập trung hỗ trợ các cây, con chủ lực, nông sản đặc hữu, đặc sản của địa phương. Qua đó, năng suất, chất lượng nhiều loại cây trồng, vật nuôi được nâng lên, xây dựng và nhân rộng nhiều mô hình sản xuất ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp hiệu quả hơn so với giai đoạn trước; hình thành các vùng nguyên liệu, sản xuất các sản phẩm chất lượng cao được các cấp, ngành, địa phương, nông dân và doanh nghiệp liên kết chặt chẽ, đem lại lợi ích cho các bên tham gia, giúp giảm giá thành đầu vào, đảm bảo đầu ra, xây dựng thương hiệu hàng hóa nông sản của địa phương.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được đẩy mạnh thực hiện, diện mạo, đời sống dân cư nông thôn có nhiều đổi mới. Đến nay, 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã; 100% xã có điện lưới đến trung tâm xã; các xóm vùng sâu, vùng xa có điểm trường cho học sinh tiểu học; 99% số khu dân cư có nhà văn hóa (tuy nhiên số khu dân cư có nhà văn hóa đáp ứng yêu cầu đạt 58,6%); trên 95% dân cư nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh. Đã huy động được nhiều nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn với tổng kinh phí trên 18.528,780 tỷ đồng. Đến hết tháng 6 năm 2025, toàn tỉnh có 17 xã được công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới, trong đó có 06 xã duy trì 19 tiêu chí theo Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; chưa có xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu; có 45 thôn được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, 07 thôn được công nhận nông thôn mới kiểu mẫu. Công tác di dời gia súc ra khỏi gầm sàn được quan tâm chỉ đạo quyết liệt, đã thực hiện di dời 10.062 hộ, đạt 101,46% so với kế hoạch. Chương trình mỗi xã 01 sản phẩm (OCOP) tiếp tục được đẩy mạnh, chất lượng, khả năng cạnh tranh của các sản phẩm ngày càng được nâng cao; đến hết năm 2025, toàn tỉnh có 200 sản phẩm OCOP được công nhận đạt từ 03 sao trở lên, trong đó 10 sản phẩm đạt 04 sao. Các mô hình kinh tế nông nghiệp sinh thái, làng nghề gắn với xây dựng nông thôn mới kết hợp phát triển dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch

trải nghiệm tiếp tục được mở rộng và phát triển ổn định, đã và đang tạo hướng đi mới trong phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững.

Công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai được chủ động triển khai từ sớm, từ xa, khẩn trương, quyết liệt, kịp thời. Từ năm 2021 đến hết tháng 8/2025, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 83 đợt thiên tai (gồm: 04 đợt rét đậm, rét hại diện rộng; 79 đợt mưa lớn, lốc, sét, ngập úng, lũ, lũ quét, sạt lở đất, đá; đặc biệt tháng 9/2024, cơn bão số 3 (Yagi), cơn bão số 10 (Bualoi), số 11 (Matmo) năm 2025 và hoàn lưu sau bão đã gây thiệt hại nghiêm trọng về người, tài sản và công trình cơ sở hạ tầng của Nhà nước và Nhân dân)⁴. Các cấp, các ngành, các địa phương đã kịp thời triển khai thực hiện các giải pháp để khắc phục và giảm nhẹ hậu quả thiên tai: triển khai lắp dựng nhà bạt cho nhân dân tránh trú; hỗ trợ sửa chữa nhà dân, hỗ trợ sơ tán, di dời tài sản, kịp thời tổ chức hỗ trợ, thăm hỏi, động viên các gia đình có người chết, người bị thương, các gia đình bị ảnh hưởng do thiên tai; tổ chức tiếp nhận, cấp phát hàng cứu trợ do Chính phủ, các cơ quan, tổ chức, đoàn thể trong nước, tổ chức quốc tế và các nhà hảo tâm, tổ chức thiện nguyện, cá nhân viện trợ; hệ thống chính trị các cấp đã huy động trên 55.000 lượt nhân công, 675,179 tỷ đồng từ trong và ngoài ngân sách nhà nước và nhiều phương tiện, thiết bị tham gia khắc phục hậu quả thiên tai, hỗ trợ tìm kiếm cứu nạn, kịp thời bảo đảm sinh hoạt, khôi phục sản xuất cho nhân dân.

2.2.3. Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng trưởng khá, bình quân tăng 8,87%/năm. Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp năm sau cao hơn năm trước⁵. Các ngành chế biến, chế tạo, khai khoáng, sản xuất điện vẫn là các ngành công nghiệp chủ lực, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp; trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng cao nhất 56,2%; ngành công nghiệp khai khoáng chiếm tỷ trọng 11,47%; ngành công nghiệp sản xuất điện chiếm tỷ trọng 10,77%. Các sản phẩm công nghiệp chủ yếu, giá trị cao như: Quặng Mangan nguyên khai, Fero mangan các loại, thiếc thỏi, điện sản xuất, nước máy thương phẩm, gạch xây dựng bằng đất sét nung; xi măng; đường RE,... Sản lượng một số sản phẩm tăng cao so với giai đoạn trước: Sản xuất điện tăng 101,66%; gạch xây dựng tăng 15,86%; nước máy thương phẩm tăng 19,82%.

Cơ cấu công nghiệp theo thành phần kinh tế dịch chuyển theo hướng tích cực, giảm dần tỷ trọng khu vực nhà nước và tăng dần tỷ trọng của khu vực ngoài nhà nước so với giai đoạn trước: Giá trị sản xuất khu vực kinh tế ngoài nhà nước đạt 18.544,81 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 56,19% (tăng 3,17 điểm %); khu vực kinh tế nhà nước đạt 14.458,04 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 43,81% (giảm 3,17 điểm %).

⁴ Thiệt hại: 74 người chết; 32 người bị thương; 18.099 nhà bị thiệt hại, hư hỏng, ảnh hưởng do lốc, mưa đá, sạt lở đất, ngập lụt; 15.808 ha diện tích sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại; 9.524 con gia súc, gia cầm bị chết do rét, ngập lụt, lũ cuốn trôi; nhiều diện tích rừng trồng bị gãy đổ, sạt lở, vùi lấp; nhiều cơ sở hạ tầng giáo dục, y tế, văn hóa, công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp (lưới điện, hệ thống thông tin, liên lạc)... bị sạt lở, đổ gãy, vùi lấp, hư hỏng... tổng giá trị thiệt hại ước tính 1.518,3 tỷ đồng.

⁵ Năm 2021 tăng 12,76%; năm 2022 tăng 6,04%; năm 2023 tăng 19,44%; năm 2024 tăng 10,13% so với cùng kỳ 2023; dự kiến năm 2025 tăng 7,92% (theo giá hiện hành).

Cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng các ngành khai khoáng và sản xuất phân phối điện; giảm tỷ trọng ngành chế biến, chế tạo, cho thấy các ngành sản xuất này bước đầu khai thác được các lợi thế của tỉnh về tài nguyên, nguồn nguyên liệu trong sản xuất kinh doanh. Cụ thể: giá trị khai khoáng trong giai đoạn đạt 3.653 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 11,07% (tăng 1,97 điểm %); sản lượng điện đạt 4.012,1 tỷ đồng, chiếm 12,16% (tăng 2,62 điểm %); giá trị công nghiệp chế biến đạt 24.959,3 tỷ đồng, chiếm 75,63% (giảm 4,14 điểm %).

Giai đoạn 2021-2025, toàn tỉnh đã thu hút đầu tư 16 dự án trong lĩnh vực công nghiệp khai thác gắn với chế biến khoáng sản, cùng với việc đưa vào vận hành, sản xuất dự án khai thác lộ thiên mỏ Niken - Đồng và 04 nhà máy thủy điện (Bạch Đằng, Bình Long, Hồng Nam, Pác Khuổi) đã tạo đà thúc đẩy năng lực sản xuất mới, đẩy mạnh giá trị sản xuất công nghiệp cho giai đoạn này và tạo đà tăng trưởng cho các giai đoạn tiếp theo. Trên địa bàn tỉnh hiện có trên 100 doanh nghiệp sản xuất chế biến, chế tạo (trong đó có 08 nhà máy sản xuất chế biến khoáng sản) và 22 nhà máy thủy điện đang hoạt động với tổng công suất lắp máy 223,138 MW, đang tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng 05 dự án (Bảo Lạc A, Thượng Hà, Bản Ngà, Bản Riễn, Khuổi Luông); huy động mọi nguồn lực để đầu tư, cải tạo, nâng cấp phát triển lưới điện, nâng tỷ lệ số hộ dân được tiếp cận, sử dụng lưới điện quốc gia trên địa bàn tỉnh từ 89,19% năm 2020 lên 96,7% năm 2025 (tương đương 125.857 hộ).

Việc phát triển khu, cụm công nghiệp vẫn là điểm yếu của tỉnh. Trên địa bàn tỉnh chưa có khu, cụm công nghiệp được đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật để có thể thu hút nhà đầu tư. Khu công nghiệp Chu trình đã hoàn thành việc xây dựng công trình đường vào và hệ thống xử lý nước thải với diện tích giải phóng mặt bằng khoảng 10,5 ha, đang tiếp tục đầu tư xây dựng, dự kiến, đến năm 2030 sẽ cơ bản đầu tư hoàn thiện hạ tầng để thu hút đầu tư, tạo thêm động lực phát triển kinh tế tỉnh Cao Bằng.

2.2.4. Lĩnh vực thương mại, dịch vụ, kinh tế cửa khẩu

a) Thương mại, dịch vụ

Mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19, song lĩnh vực thương mại, dịch vụ phục hồi nhanh sau đại dịch, phát triển khá sôi động những năm cuối nhiệm kỳ.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng bình quân giai đoạn tăng 11,95%/năm, tăng 3,68 điểm % so với giai đoạn 2016-2020, tăng 1,57% so với kế hoạch giai đoạn, trong đó lĩnh vực du lịch, lữ hành có tốc độ tăng trưởng bình quân cao nhất, tăng 37,6%/năm; lĩnh vực lưu trú ăn uống có tốc độ tăng trưởng bình quân tăng 15,6%/năm; lĩnh vực bán lẻ hàng hóa tăng 10,9%/năm, tuy nhiên đây là lĩnh vực chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của tỉnh (chiếm 76,9%).

Các hoạt động xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường, kết nối giao thương nhằm quảng bá hàng hóa của địa phương ra thị trường trong nước và

ngoài nước được triển khai có hiệu quả, qua đó góp phần làm tốt công tác dự báo thị trường, giúp doanh nghiệp chủ động nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Công tác phòng, chống buôn lậu, hàng giả, gian lận thương mại được duy trì thường xuyên. Nhìn chung hàng hóa trên địa bàn tỉnh được lưu thông thuận lợi, các mặt hàng trên thị trường dồi dào phong phú, đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống nhân dân, đặc biệt là nhân dân vùng sâu, vùng xa.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 81 chợ; hạ tầng thương mại hiện đại, như: siêu thị, chuỗi hệ thống các cửa hàng tiện lợi ngày càng phát triển, mạng lưới cửa hàng xăng dầu, khí dầu mỏ hoá lỏng cơ bản đáp ứng nhu cầu về nguồn xăng dầu và LPG. Thương mại điện tử đạt được một số kết quả tích cực: 100% tổ chức trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đang sử dụng hóa đơn chuyển sang sử dụng hóa đơn điện tử; toàn tỉnh có 10 doanh nghiệp hoạt động bưu chính, cung cấp dịch vụ hoàn thiện đơn hàng và giao hàng chặng cuối cho khoảng 45% doanh nghiệp vừa và nhỏ tiến hành hoạt động kinh doanh trên các sàn giao dịch thương mại điện tử, bao gồm cả mạng xã hội có chức năng sàn giao dịch thương mại điện tử. Với lợi thế về đường biên và cửa khẩu, tỉnh đang tập trung xây dựng chính sách, hướng dẫn, hỗ trợ phát triển dịch vụ logistics để phát triển các trung tâm logistics trên địa bàn tỉnh trong những năm tới.

Dịch vụ vận tải chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19 và bắt đầu khôi phục trở lại từ năm 2023; doanh thu, lượng hành khách, hàng hóa vận chuyển giảm nhẹ so với giai đoạn trước. Trong kỳ, tổng lượt khách vận chuyển ước đạt gần 9 triệu lượt; doanh thu ước đạt 1.700 tỷ đồng, khối lượng hàng hóa vận chuyển ước đạt trên 7,7 triệu tấn. Trước sắp xếp, trên địa bàn tỉnh có 03 huyện có bến xe khách (Trùng Khánh, Bảo Lâm, thành phố Cao Bằng); 06 loại hình vận chuyển với 11 đơn vị kinh doanh vận tải hành khách tuyến cố định (166 xe), 05 đơn vị kinh doanh hành khách bằng xe taxi (219 xe, 01 đơn vị sử dụng taxi điện xanh (100 xe)), 01 doanh nghiệp vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt (25 xe), 44 đơn vị vận tải hàng hóa (196 xe), 02 đơn vị xe điện phục vụ du lịch tại thành phố và khu du lịch (30 xe); có 35 tuyến cố định gồm 21 tuyến liên tỉnh và 14 tuyến nội tỉnh. Các đơn vị kinh doanh vận tải trên địa bàn tỉnh tham gia 11 tuyến liên tỉnh, 14 tuyến cố định nội tỉnh; cơ bản đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của nhân dân.

b) Kinh tế cửa khẩu

Hoạt động kinh tế cửa khẩu đã đạt được những kết quả nổi bật, khẳng định được vai trò là hạt nhân trong phát triển kinh tế tỉnh Cao Bằng.

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt trên 4.460 triệu USD với tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 17%/năm, vượt 7 điểm % so với kế hoạch và tăng 20,17 điểm % so với giai đoạn 2016-2020 (-3,17 %). Tổng thu ngân sách từ hoạt động kinh tế cửa khẩu (bao gồm thu thuế xuất nhập khẩu và thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng cửa khẩu) đạt 6.866 tỷ đồng, là số thu cao nhất kể từ trước đến nay, chiếm khoảng 46% tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh, với tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 128%/năm, vượt 116 điểm % so với kế hoạch, tăng 209% so với giai đoạn 2016-2020. Thu ngân sách từ hoạt động kinh tế cửa khẩu là điểm

sáng đột phá trong hoạt động phát triển kinh tế cửa khẩu, góp phần tăng thu cho ngân sách Nhà nước.

Công tác mở, nâng cấp cửa khẩu biên giới; lối mở biên giới; lối thông quan, đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa từng bước được thực hiện, trong đó: đã phối hợp với Chính phủ nhân dân Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc tổ chức công bố nâng cấp cửa khẩu Trà Lĩnh (Việt Nam) - Long Bang (Trung Quốc) lên cửa khẩu quốc tế, bao gồm Lối thông quan vận chuyển hàng hóa Nà Doong (Việt Nam) - Nà Ráy (Trung Quốc); công bố nâng cấp cửa khẩu Tà Lùng (Việt Nam) - Thủy Khẩu (Trung Quốc) lên cửa khẩu quốc tế, bao gồm lối thông quan cầu Tà Lùng II - Thủy Khẩu (Trung Quốc); vận hành chính thức cửa khẩu song phương Lý Vạn (Việt Nam) - Thạc Long (Trung Quốc) và Khu cảnh quan Thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức Thiên (Trung Quốc). Hiện nay, tỉnh đang tích cực trao đổi và phối hợp với phía Trung Quốc để triển khai quy trình, thủ tục nâng cấp cửa khẩu Lý Vạn (Việt Nam) - Thạc Long (Trung Quốc) thành cửa khẩu quốc tế; cửa khẩu Pò Peo (Việt Nam) - Nhạc vu (Trung Quốc) và cửa khẩu Hạ Lang (Việt Nam) - Khoa Giáp (Trung Quốc) thành cửa khẩu song phương; tiếp tục triển khai hợp tác vận tải đường bộ quốc tế với Quảng Tây (Trung Quốc), tích cực đề xuất bổ sung các tuyến vận tải đường bộ quốc tế mới vào phạm vi quản lý của Hiệp định vận tải đường bộ giữa hai nước,... tạo tiền đề khai thác, phát huy tiềm năng, thúc đẩy phát triển kinh tế cửa khẩu trên địa bàn tỉnh.

Kết cấu hạ tầng kinh tế cửa khẩu được tập trung đầu tư theo hướng đồng bộ, hiện đại, trọng tâm là đầu tư hạ tầng thiết yếu các cửa khẩu quốc tế Trà Lĩnh, Tà Lùng, cửa khẩu chính Sóc Giang, Lý Vạn. Trong giai đoạn 2021-2025, vốn được bố trí cho khu kinh tế cửa khẩu là 331,775 tỷ đồng, đã có 9 dự án hoàn thành bàn giao đi vào hoạt động hiệu quả, góp phần nâng cao đời sống của Nhân dân, hoàn thiện hạ tầng thương mại cửa khẩu, đồng thời tạo điều kiện cho công tác mở, nâng cấp các cửa khẩu, lối mở biên giới. Công tác quy hoạch được quan tâm triển khai thực hiện, góp phần định hướng phát triển cho từng cửa khẩu; là cơ sở để đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế cửa khẩu và thu hút đầu tư ngoài ngân sách: Năm 2022, Quy hoạch chung Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng đến năm 2040 được Thủ tướng chính phủ phê duyệt; UBND tỉnh đã ban hành quy định quản lý theo quy hoạch chung; công tác xây dựng Đồ án quy hoạch các phân khu tỷ lệ 1/2000 các khu vực cửa khẩu, lối mở biên giới - Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng đang được khẩn trương thực hiện, trong đó đã hoàn thành phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu vực cửa khẩu Tà Lùng.

Các hoạt động xúc tiến và thu hút đầu tư vào địa bàn khu kinh tế được đẩy mạnh: Giai đoạn 2021-2025 thu hút được 09 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký 437,11 tỷ đồng. Tính đến nay, Khu kinh tế cửa khẩu đã thu hút 52 dự án đầu tư trong và ngoài nước với tổng số 42 doanh nghiệp thực hiện dự án. Trong đó, có 47 dự án trong nước với tổng số vốn đăng ký 4.218 tỷ đồng và 05 dự án đầu tư nước ngoài với tổng số vốn đăng ký 16,61 triệu USD (tương đương

383 tỷ đồng); có 42 dự án đi vào hoạt động tạo công ăn việc làm cho người lao động, cung ứng dịch vụ thương mại, logistics, góp phần hoàn thiện cơ sở hạ tầng kinh tế cửa khẩu, thúc đẩy hoạt động thương mại biên giới.

Hoạt động phát triển kinh tế cửa khẩu đã có tác động tích cực đến đời sống nhân dân khu vực biên giới. Các xã, thị trấn biên giới dần dần hình thành các đô thị vùng biên với đông đúc cư dân sinh sống; cơ sở thương mại dịch vụ ngày càng tăng cả về số lượng và chất lượng; lĩnh vực lao động việc làm cũng đang có những chuyển biến tích cực, từ lao động trong lĩnh vực nông nghiệp sang lĩnh vực thương mại dịch vụ. Sự phát triển hoạt động kinh tế cửa khẩu đã tạo ra công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho cư dân biên giới đồng bào các dân tộc tỉnh Cao Bằng với thu nhập bình quân trên 6 triệu đồng/tháng, góp phần ổn định trật tự xã hội, an ninh quốc phòng biên giới.

2.2.5. Lĩnh vực du lịch

Lĩnh vực du lịch phục hồi và phát triển khởi sắc với nhiều dấu ấn nổi bật. Lượng khách thăm quan du lịch, thu nhập xã hội từ du lịch tăng cao trong những năm cuối kỳ, có sự phát triển vượt bậc so với giai đoạn 2016-2020: Cụ thể: tổng lượt khách du lịch ước đạt 7,8 triệu lượt, tăng 53,2% so với cùng kỳ, trong đó khách quốc tế ước đạt: 0,3 triệu lượt, khách nội địa ước đạt: 7,5 triệu lượt; tổng thu từ khách du lịch ước đạt 5.500 tỷ đồng, tăng 337,2% so với cùng kỳ.

Khai thác hiệu quả các sản phẩm du lịch hiện có, hình thành nhiều sản phẩm du lịch mới gắn với phát huy giá trị các di tích, danh thắng và bản sắc văn hóa đặc trưng của tỉnh. Du lịch cộng đồng: bổ sung khai thác 02 điểm du lịch cộng đồng: Khuổi Khon (xã Hưng Đạo); Hoài Khao (xã Thành Công). Du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng: bước đầu hình thành một số dịch vụ trải nghiệm vườn nho, vườn dâu tây, vườn chanh leo; các dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại Đồn điền chè Kolia... Du lịch ban đêm: duy trì hoạt động của Phố đi bộ Kim Đồng, Chợ ẩm thực, Chợ đêm thị trấn Bảo Lạc. Du lịch mạo hiểm: đưa vào khai thác tuyến du lịch trải nghiệm khám phá động Ngườm Ngao - nhánh Bản Thuôn. Du lịch qua biên giới: hoạt động đón tiếp du khách qua lại Khu cảnh quan thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức Thiên (Trung Quốc) theo Hiệp định hợp tác, khai thác và bảo vệ tài nguyên du lịch Thác Bản Giốc đã được vận hành chính thức từ 15/10/2024; Chương trình du lịch Cao Bằng (Việt Nam) - thành phố Tịnh Tây (khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc) đã và đang là một trong những sản phẩm thu hút du khách kể từ sau khi cặp cửa khẩu Trà Lĩnh (Việt Nam) - Long Bang (Trung Quốc) được nâng cấp thành cửa khẩu quốc tế vào tháng 12/2023; tháng 5/2025 công bố khai thông tuyến du lịch thành phố Cao Bằng (Việt Nam) - Thành phố Bách Sắc, Quảng Tây (Trung Quốc) và ngược lại.

Các hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch được đẩy mạnh với nhiều hình thức mới, kết hợp các hình thức marketing truyền thống với ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, chuyển đổi số; trong đó, đã đưa vào vận hành ứng dụng Cổng du lịch thông minh tỉnh Cao Bằng...góp phần nâng cao hiệu quả quảng bá, tạo sức lan toả rộng rãi. Đồng thời, tổ chức nhiều lễ hội, sự kiện quy mô lớn, thu

hút đông đảo nhân dân và du khách⁶; tích cực tham gia các chương trình xúc tiến, quảng bá du lịch trong nước và quốc tế, qua đó từng bước nâng cao hình ảnh, vị thế du lịch Cao Bằng.

Công tác xây dựng, bảo tồn và phát triển Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng đạt được nhiều kết quả tích cực. Tháng 12/2022, Hội đồng UNESCO đã thông qua quyết định tiếp tục công nhận danh hiệu Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng sau kỳ tái thẩm định lần thứ nhất. Hoàn thiện và công bố tuyến du lịch Công viên địa chất toàn cầu thứ 4 “Một thời hoa lửa” về phía Nam (thành phố Cao Bằng - huyện Thạch An - huyện Quảng Hòa); khảo sát và xây dựng tuyến du lịch Công viên địa chất toàn cầu thứ 5 kết nối giữa 02 Công viên địa chất toàn cầu (Non nước Cao Bằng và Cao nguyên đá Đổng Vần - Hà Giang). Tổ chức thành công Hội nghị quốc tế lần thứ 8 của Mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu UNESCO khu vực Châu Á - Thái Bình Dương năm 2024 tại Cao Bằng với chủ đề “Cộng đồng địa phương và phát triển bền vững trong vùng Công viên địa chất”. Đã ký kết 04 thỏa thuận hợp tác giữa Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng với các Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Lạc Nghiệp - Phượng Sơn, Trung Quốc; Khorat, Thái Lan; Haute Provence, Pháp; Medungsan, Hàn Quốc, làm tiền đề cho việc hợp tác, học tập kinh nghiệm với các Công viên địa chất trong khu vực và trên thế giới.

Kết cấu hạ tầng và dịch vụ du lịch ngày càng hoàn thiện, chất lượng phục vụ du khách được nâng cao. Hạ tầng kết nối giao thông giữa các khu, điểm du lịch và cơ sở vật chất phục vụ du lịch được quan tâm đầu tư với tổng số vốn 76.079,499 triệu đồng từ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025. Hiện nay, tỉnh có 08 đơn vị kinh doanh dịch vụ lữ hành; 325 cơ sở lưu trú du lịch, trong đó có 01 cơ sở đạt tiêu chuẩn 5 sao (khách sạn Mường Thanh Luxury Cao Bằng). Các dịch vụ ăn uống, chăm sóc sức khỏe, mua sắm phục vụ khách du lịch bước đầu được hình thành, đáp ứng nhu cầu phục vụ du khách.

Năm 2024, Cao Bằng lần đầu tiên lọt danh sách 10 điểm đến thân thiện nhất Việt Nam do Booking.com công bố; Thác Bản Giốc được tạp chí du lịch quốc tế Travel + Leisure bình chọn là 1 trong 21 thác nước đẹp nhất thế giới. Năm 2025 Cao Bằng được cầm nang du lịch nổi tiếng thế giới Lonely Planet công bố là một trong những điểm đến du lịch tốt nhất Đông Nam Á.

2.2.6. Công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng, giao thông

Công tác lập và quản lý quy hoạch được quan tâm chỉ đạo, từng bước nâng cao chất lượng; đã hoàn thành việc xây dựng Quy hoạch tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và được Thủ tướng Chính phủ phê

⁶ Các hoạt động tiêu biểu: Giải chạy Siêu đường mòn Non nước Cao Bằng năm 2022, 2023; Lễ hội về nguồn Pác Bó; Lễ hội du khách thác Bản Giốc; Tuần VHTTDL chào mừng kỷ niệm thành lập thành phố Cao Bằng (với các hoạt động nổi bật như Hội thi Sáng tạo Âm thực Du lịch “Món ngon miền Non nước”, Liên hoan hát then - đàn tính, Liên hoan các câu lạc bộ “Cùng em khám phá CVĐC Non nước Cao Bằng”); Hội nghị giới thiệu Cao Bằng “Cao Bằng điểm đến - kết nối và phát triển” tại Hà Nội (tháng 10/2023); Ngày hội Du lịch Non nước Cao Bằng “Non nước Cao Bằng - Xứ sở thần tiên” năm 2023 tại Hà Nội; Hội nghị quốc tế lần thứ 8 của Mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu UNESCO khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (tháng 9/2024)...

duyet tại Quyết định số 1486/QĐ-TTg ngày 24/11/2023. Tỉnh đã ban hành kế hoạch để triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh; đồng thời, tiếp tục rà soát các nội dung mâu thuẫn giữa Quy hoạch tỉnh tỉnh với các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành để điều chỉnh những nội dung chưa phù hợp. Đã lập, phê duyệt và triển khai 17 đồ án quy hoạch, 21 nhiệm vụ quy hoạch; 17 hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch; phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã đối với 135/138 xã trên địa bàn tỉnh; hầu hết các huyện, thành phố trước sắp xếp, các đô thị, các khu vực cửa khẩu, khu công nghiệp, khu du lịch, khu di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, khu tái định cư đều được lập quy hoạch chung, phân khu và chi tiết, từng bước nâng cao tỷ lệ phủ kín các cấp độ quy hoạch. Tích cực phối hợp, tham gia rà soát, xây dựng Quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc; quy hoạch ngành quốc gia; quy hoạch quốc gia.

Đầu tư công từng bước dẫn dắt đầu tư tư nhân, kích hoạt mọi nguồn lực xã hội, đặc biệt là thu hút đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Việc bố trí vốn đầu tư công đảm bảo công khai, minh bạch, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, tập trung ưu tiên đầu tư các dự án trọng điểm để khai thác tối đa các tiềm năng, lợi thế chính của tỉnh về du lịch - dịch vụ, nông nghiệp và kinh tế cửa khẩu; đầu tư các dự án giao thông có tính liên kết vùng, tác động lan tỏa, tạo đột phá quan trọng. Nhờ đó, hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh từng bước được cải thiện. Dự kiến đến hết năm 2025 sẽ hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng 282 dự án đầu tư công với tổng vốn trên 21.640 tỷ đồng (tăng 41% so với nhiệm kỳ 2015 - 2020), trong đó có nhiều dự án mang tính biểu tượng của tỉnh và được gắn biển công trình chào mừng Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX như: dự án Bảo tàng tỉnh Cao Bằng, dự án Trụ sở làm việc các sở, ban, ngành của tỉnh Cao Bằng; dự án Trụ sở làm việc HĐND - UBND - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Cao Bằng; dự án Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh... Hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, trọng điểm là tuyến đường bộ cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng), được tập trung chỉ đạo triển khai quyết liệt: Dự án có tổng chiều dài khoảng 121 km, được phân kỳ đầu tư theo 2 giai đoạn với tổng mức vốn gần 23.000 tỷ đồng, thực hiện theo hình thức đối tác công tư (PPP); giai đoạn 1 khởi công ngày 01/01/2024, dự kiến hoàn thành năm 2026; giai đoạn 2 khởi công ngày 19/8/2025, phấn đấu hoàn thành vào năm 2028; đây là dự án hạ tầng chiến lược, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc tạo đột phá phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh quốc gia và tăng cường kết nối Cao Bằng với các trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa trong nước và quốc tế.

Trong nhiệm kỳ, đã triển khai xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp khoảng 209,2 km các tuyến đường giao thông trọng điểm các loại với tổng kinh phí khoảng 2.845 tỷ đồng. Thực hiện có hiệu quả Chương trình trọng tâm số 10-CTr/TU về phát triển kết cấu hạ tầng với 19 dự án đầu tư nâng cấp các tuyến đường giao thông phục vụ phát triển kinh tế - xã hội được triển khai, trong đó có thêm nhiều dự án trọng điểm về kết nối giao thông để liên kết vùng, tháo gỡ “điểm nghẽn”, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hoàn thành như: Dự án

đường tỉnh 208 từ thị trấn Đông Khê (Thạch An) - xã Cách Linh, Triệu Âu (Phục Hòa) - xã An Lạc, thị trấn Thanh Nhật, xã Đức Quang (Hạ Lang) - xã Chí Viễn (Trùng Khánh); dự án cải tạo, nâng cấp đường thị trấn Xuân Hòa - thị trấn Thông Nông (Hà Quảng); dự án nâng cấp, cải tạo đường Nà Pồng - Đức Hạnh (Bảo Lâm); dự án cầu Bản Đe (Sông Gâm) kết nối Quốc lộ 34 - xã Quảng Lâm, xã Thạch Lâm (Bảo Lâm); dự án cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 205...

Cơ sở hạ tầng của các đô thị trên địa bàn tỉnh tiếp tục được quan tâm; trước thời điểm sắp xếp chính quyền 2 cấp, toàn tỉnh có 15 đô thị, trong đó: 01 đô thị loại III (thành phố Cao Bằng); 14 đô thị loại V⁷; tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt 25,5%. Các dự án hạ tầng khung, các dự án thương mại dịch vụ, cải tạo, chỉnh trang đô thị và các dự án khu ở, khu đô thị mới, hệ thống đường đô thị, cấp nước, các công trình công cộng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư xây dựng. Tỉnh đã lập 69 dự án phát triển đô thị, đến nay đã thu hút đầu tư được 09 dự án, trong đó có 03 dự án đã hoàn thành nghiệm thu. Triển khai được 7 dự án cấp nước sạch đô thị, nâng tỷ lệ dân cư thành thị được dùng nước sạch ước đạt 91% (đạt 91% kế hoạch).

Công tác phát triển giao thông nông thôn được đẩy mạnh: đến hết tháng 6/2025, tỉ lệ chiều dài các tuyến đường huyện, đường xã được nhựa hóa/bê tông hóa mặt đường đạt 70% (bằng 82,3% kế hoạch); tỉ lệ xã có đường đến trung tâm xã được nhựa hóa/bê tông hóa đạt 99,4% (tương đương 160/161 xã).

2.2.7. Lĩnh vực tài chính, ngân hàng

Công tác thu, chi ngân sách nhà nước được tập trung chỉ đạo quyết liệt; kỷ cương, kỷ luật tài chính - ngân sách nhà nước được tăng cường; qua đó, đạt được nhiều kết quả tích cực.

Công tác quản lý thu, khai thác nguồn thu được chú trọng gắn với đẩy mạnh chống thất thu, buôn lậu, gian lận thương mại; quyết liệt xử lý nợ thuế; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế... góp phần bảo đảm tỉ lệ huy động vào ngân sách nhà nước cơ bản đạt được mục tiêu đề ra. Tổng thu ngân sách nhà nước ước đạt trên 14.533 tỉ đồng, tăng gấp 1,3 lần so với chỉ tiêu giai đoạn 2016-2020, ước chiếm 12,5% GRDP giai đoạn 2021-2025, ước tăng bình quân 26,86%/năm, vượt kế hoạch.

Công tác quản lý chi ngân sách được các ngành, các cấp, các đơn vị thực hiện nghiêm túc trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả, chủ động điều hành chi ngân sách nhà nước trong phạm vi dự toán ngân sách được giao, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ đảm bảo theo đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định. Bội chi và nợ công được kiểm soát, tiếp tục cơ cấu nợ công theo hướng bền vững, bảo đảm an toàn nợ công, vay trong khả năng trả nợ của ngân sách tỉnh, phù hợp với khả năng vay và mức độ hấp thụ vốn vay theo đúng quy định hiện hành. Chi ngân sách nhà nước tăng bình quân 6,0%/năm. Các nhiệm

⁷ thị trấn Bảo Lạc, thị trấn Pác Miêu, thị trấn Thanh Nhật, thị trấn Xuân Hòa, thị trấn Thông Nông, thị trấn Nước Hai, thị trấn Nguyên Bình, thị trấn Tĩnh Túc, thị trấn Hòa Thuận, thị trấn Tà Lùng, thị trấn Quảng Uyên, thị trấn Đông Khê, thị trấn Trà Lĩnh và thị trấn Trùng Khánh

vụ chi được thực hiện theo hướng tăng dần tỉ lệ chi đầu tư phát triển, giảm dần tỉ lệ chi thường xuyên, bảo đảm các mục tiêu về bội chi và nợ công; trong đó: tỷ trọng chi đầu tư xây dựng cơ bản từ mức 28% (giai đoạn 2016-2020) tăng lên 32,5%, tỷ trọng chi thường xuyên từ 72% (giai đoạn 2016-2020) giảm xuống dưới 67,5%.

Huy động, sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư xã hội, góp phần thúc đẩy tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội giai đoạn 2021-2025 đạt 51.358,77 tỷ đồng bằng 43,95% tổng sản phẩm (GRDP) trên địa bàn. Tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư thực hiện bình quân giai đoạn đạt 4,94%. (bằng 44,9% chỉ tiêu kế hoạch). Giai đoạn 2021-2023, dưới tác động của dịch Covid-19, tăng trưởng vốn đầu tư toàn xã hội ở mức số âm thì giai đoạn 2024 - 2025 đã có sự tăng trưởng mạnh⁸, phản ánh rõ tình hình tăng trưởng kinh tế những năm cuối kỳ có xu hướng tăng trưởng tích cực hơn hẳn so với đầu kỳ. Nguồn vốn đầu tư công được tinh tập trung chỉ đạo quyết liệt để đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân; doanh nghiệp và người dân có xu hướng duy trì, mở rộng sản xuất kinh doanh, khả năng hấp thụ vốn được cải thiện, qua đó tạo động lực cho đầu tư mới. Trong cơ cấu vốn đầu tư xã hội, đầu tư công tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, dẫn dắt đầu tư tư nhân, tập trung vốn vào các ngành, lĩnh vực then chốt, các công trình, dự án trọng điểm có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời, dòng vốn đầu tư dịch chuyển mạnh vào khu vực dịch vụ, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng vốn đầu tư xã hội.

Thị trường tiền tệ và hoạt động ngân hàng duy trì ổn định, thông suốt, đảm bảo đáp ứng vốn cho nhu cầu đầu tư phát triển. Toàn tỉnh hiện có 07 chi nhánh tổ chức tín dụng với 42 chi nhánh, phòng giao dịch trực thuộc. Riêng Ngân hàng chính sách xã hội có các điểm giao dịch lưu động tại tất cả các xã, phường của tỉnh. Hệ thống ngân hàng phát triển an toàn, hiệu quả, mạng lưới thanh toán hiện đại, rộng khắp, đáp ứng được nhu cầu sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội. Nguồn vốn huy động đến cuối năm 2025 ước đạt 32.600 tỷ đồng, tăng 11.728 tỷ đồng so với năm 2020, tốc độ tăng trưởng nguồn vốn huy động bình quân trong giai đoạn 2021-2025 ước đạt 9,45%/năm. Tổng dư nợ cho vay nền kinh tế đến cuối năm 2025 ước đạt 18.100 tỷ đồng, tăng 5.592 tỷ đồng so với năm 2020, tốc độ tăng trưởng dư nợ bình quân trong giai đoạn 2021-2025 ước đạt 7,77%/năm. Đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển dịch vụ ngân hàng hiện đại, hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không ngừng đổi mới, đảm bảo ổn định, an toàn và thông suốt; thanh toán không dùng tiền mặt gia tăng cả về số lượng và giá trị, góp phần thực hiện hiệu quả Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia trên địa bàn tỉnh.

2.2.8. Phát triển các thành phần kinh tế

Các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh tiếp tục mở rộng về quy mô, nâng cao chất lượng hoạt động, đạt được những kết quả tích cực, từng bước khẳng định vai trò của mình trong việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: đóng

⁸ Năm 2021: -7,04%; năm 2022: 0,87%; năm 2023: -1,26%; năm 2024: 9,31%; năm 2025: ước 22,8%

góp trên 75% tổng thu nội địa mỗi năm⁹, đóng góp trên 60% tổng sản phẩm (GRDP) trên địa bàn, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân. Ước đến hết năm 2025, toàn tỉnh thành lập mới 753 doanh nghiệp¹⁰, đạt 94,12% kế hoạch, số vốn đăng ký mới 4.264,305 tỷ đồng, nâng tổng số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh lên 2.292 doanh nghiệp với số vốn đăng ký trên 25.000 tỷ đồng, tăng 48,93% số doanh nghiệp, 20,57% số vốn đăng ký so với giai đoạn 2016-2020; thành lập mới 148 hợp tác xã, nâng tổng số hợp tác xã trên địa bàn lên 460 hợp tác xã, đạt 100% kế hoạch, giải quyết việc làm cho trên 3.700 lao động địa phương; tổng số hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh có khoảng 16.008 hộ với số vốn đăng ký trên 2.520 tỷ đồng. Đối với doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước: hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 07 doanh nghiệp đang triển khai thực hiện sắp xếp lại theo Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó có 03 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (duy trì công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên)¹¹, cổ phần hoá 01 doanh nghiệp¹², thoái vốn nhà nước 02 doanh nghiệp¹³, giải thể 01 doanh nghiệp¹⁴. Trong kỳ, đã cấp mới chủ trương đầu tư cho 38 dự án với tổng vốn đăng ký trên 5.296 tỷ đồng gồm: 18 dự án khai thác khoáng sản; 8 dự án thương mại dịch vụ; 2 dự án nông nghiệp; 5 dự án công nghiệp, chế biến; 4 dự án đô thị nhà ở, 1 dự án thủy điện; nâng tổng số dự án trên địa bàn tỉnh là 244 dự án với tổng vốn đăng ký trên 32.368 tỷ đồng, trong đó có 06 dự án có vốn đầu tư nước ngoài.

Tích cực triển khai các giải pháp đồng bộ nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các thành phần kinh tế trên địa bàn. Trong đó, đặc biệt chú trọng cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian, giảm chi phí thực hiện các quy định pháp luật; hỗ trợ khởi sự kinh doanh, cấp phép đầu tư, tiếp cận nguồn lực phục vụ sản xuất kinh doanh; triển khai hiệu quả các chính sách phục hồi sau đại dịch Covid-19 và nâng cao năng lực hội nhập kinh tế quốc tế. Đồng thời, tập trung thực hiện Chương trình số 09-CTr/TU ngày 11/11/2021 của Tỉnh ủy về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thu hút các nhà đầu tư chiến lược; kịp thời cụ thể hóa, triển khai thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; tăng cường hoạt động đối thoại giữa chính quyền với cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã nhằm kịp thời nắm bắt và tháo gỡ khó khăn trong quá trình sản xuất, kinh doanh. Trong kỳ, đã tổ chức 7 hội nghị đối thoại cấp tỉnh, nhiều cuộc đối thoại cấp huyện và các hội nghị chuyên đề tại sở, ban, ngành; thường xuyên duy trì hoạt động gặp gỡ, trao đổi với doanh nghiệp, hợp tác xã và nhà đầu tư, qua đó góp phần ổn định sản xuất, bảo đảm việc làm, nâng cao thu nhập người lao động

⁹ Năm 2021: 77,9% (tương đương 1.185,585 tỉ đồng); Năm 2022: 77% (tương đương 1.022,392 tỉ đồng); Năm 2023: 82,2% (tương đương 1.089,196 tỉ đồng); năm 2024: 78,2% (tương đương 1.212,099 tỉ đồng)

¹⁰ Trong đó: năm 2021: 143; năm 2022: 171; năm 2023: 129; năm 2024: 138 ; dự kiến năm 2025: 172.

¹¹ Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Cao Bằng; Công ty TNHH một thành viên Thủy Nông Cao Bằng; Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Cao Bằng

¹² Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển và Môi trường Cao Bằng

¹³ Công ty cổ phần In Việt Lập Cao Bằng và Công ty cổ phần Giống và Thức ăn chăn nuôi Cao Bằng

¹⁴ Tổng công ty đầu tư xuất nhập khẩu Cao Bằng

và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Song song với đó, tỉnh cũng đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư, mở rộng hợp tác trong nước và quốc tế, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác về môi trường đầu tư của tỉnh đến các nhà đầu tư tiềm năng; chủ động hỗ trợ nghiên cứu, lựa chọn địa điểm đầu tư phù hợp theo quy hoạch. Đã xây dựng, ban hành danh mục 102 dự án ưu tiên thu hút đầu tư thuộc 8 lĩnh vực trọng điểm, thể hiện quyết tâm mạnh mẽ trong việc đồng hành cùng doanh nghiệp, phát triển kinh tế nhiều thành phần một cách bền vững và hiệu quả.

2.2.9. Công tác Tài nguyên - Môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu

Công tác quản lý nhà nước về đất đai ngày càng chặt chẽ, toàn diện: thực hiện đổi mới trong công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất¹⁵; giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đặc biệt là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên. Chỉ đạo quyết liệt và nâng cao trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn, chính quyền địa phương trong việc xử lý những tồn tại, hạn chế, khuyết điểm, vướng mắc về đất đai có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh. Qua đó, việc thu hồi, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất, nhất là đối với dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng được kiểm soát chặt chẽ; công tác đăng ký đất đai đảm bảo quyền lợi chính đáng của người sử dụng đất. Công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất được thực hiện kịp thời, đúng quy định, nhận được sự đồng thuận cao từ các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân, đặc biệt trong công tác giải phóng mặt bằng xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) giai đoạn 1. Đồng thời, tỉnh đã và đang nghiên cứu, triển khai các bước để thực hiện Luật Đất đai năm 2024 trên địa bàn tỉnh, đảm bảo thống nhất, đồng bộ, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai trong giai đoạn tới.

Công tác quản lý tài nguyên nước dần đi vào nền nếp: ban hành danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp, danh mục hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh; chất lượng môi trường nước mặt trên địa bàn tỉnh còn khá tốt; 100% nước thải nguy hại, chất thải y tế nguy hại phát sinh từ các cơ sở tế được thu gom, xử lý; 90,27% chất thải nguy hại phát sinh từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ được thu gom, xử lý; 91% dân cư thành thị được sử dụng nước sạch; 95% dân cư nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh, trong đó 20% hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch đạt chất lượng theo quy chuẩn; kiểm soát chặt chẽ các nhà máy thủy điện; trong kỳ đã cấp, gia hạn 19 giấy phép tài nguyên nước. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước và khắc phục hậu quả, tác hại do nước gây ra đã được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh; đồng thời đã đánh giá hiện trạng tài nguyên nước, hiện trạng khai thác, sử dụng, xác định lượng nước có thể khai thác, sử dụng, đề xuất các công trình điều tiết, khai thác, phát triển tài nguyên nước...để đảm bảo nguồn nước, chất lượng nước cho các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Công tác quản lý nhà nước về khoáng sản được tăng cường, ngày càng

¹⁵ Đã xây dựng hoàn thiện Kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 cấp tỉnh và phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của 10/10 huyện, thành phố.

hiệu quả: Phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được tích hợp trong Quy hoạch tỉnh, làm cơ sở để thống nhất cơ chế quản lý của Nhà nước đối với hoạt động khoáng sản và đảm bảo việc khai thác, sử dụng khoáng sản gắn liền với bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Các cấp chính quyền đã quan tâm giải quyết tình trạng khan hiếm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh, đã thành lập Tổ công tác liên ngành cấp tỉnh để giải quyết nhanh các thủ tục hành chính liên quan đến việc cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng; tích cực chỉ đạo giải quyết bảo đảm nguồn vật liệu xây dựng cho Dự án cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh, từng bước đáp ứng nguồn cung vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh. Các đơn vị hoạt động khoáng sản đã từng bước đổi mới thiết bị, công nghệ sản xuất, đem lại hiệu quả kinh tế cao, giảm thiểu tác động môi trường, sản phẩm khai thác đáp ứng chỉ tiêu kỹ thuật cho các công trình, tăng thu ngân sách, giải quyết việc làm cho người lao động, hạn chế việc khai thác trái phép. Trong kỳ, đã tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản thành công 14 mỏ vật liệu xây dựng, phê duyệt trữ lượng 24 mỏ, cấp Giấy phép khai thác 39 mỏ, cấp 73 Bản xác nhận khu vực khai thác.

Công tác quản lý chất thải rắn được quan tâm triển khai: Đề án phân loại, xử lý, tái chế chất thải tập trung và phân tán trên địa bàn tỉnh Cao Bằng được phê duyệt và triển khai thực hiện, từng bước đem lại hiệu quả; kiểm soát chặt chẽ hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý, thải bỏ, chôn lấp các loại chất thải, nhất là chất thải nguy hại và hoạt động nhập khẩu phế liệu; đồng thời tập trung giải quyết các vấn đề về môi trường đô thị, khu vực dân cư nông thôn, cơ sở sản xuất phát sinh nhiều chất thải, đặc biệt tập trung xử lý triệt để 04 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng¹⁶, tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100% kế hoạch; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt khu vực đô thị được xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt 90,31%, vượt 0,31 điểm % so với kế hoạch.

Tăng cường bảo tồn, phục hồi, phát triển các hệ sinh thái tự nhiên; ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai. Tiếp tục phát triển, mở rộng hệ thống di sản thiên nhiên, khu bảo tồn thiên nhiên: hoàn thành chuyển hạng 01 khu bảo tồn đa dạng sinh học là Khu rừng đặc dụng Phia Oắc - Phia Đén, huyện Nguyên Bình thành Vườn Quốc gia; đề xuất mở rộng Khu bảo tồn loài sinh cảnh Vườn cao vút huyện Trùng Khánh; duy trì và phát huy Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng. Tăng cường công tác bảo tồn loài hoang dã nguy cấp, nguy hiểm; thắt chặt quản lý các cơ sở nuôi động vật hoang dã trên địa bàn tỉnh¹⁷. Phục hồi phát triển hệ sinh thái rừng tự nhiên, giảm cơ bản việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng sang mục đích khác, ngăn

¹⁶ Nhà máy sản xuất than cốc xã Đức Xuân, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng; (2) Bãi rác chôn lấp rác thải thị trấn Pác Miêu, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng (3) Bãi chôn lấp rác thải thị trấn Nguyên Bình, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng được phê duyệt và (4) Bãi rác chôn lấp rác thải thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

¹⁷ Trên địa bàn tỉnh có 64 cơ sở nuôi động vật hoang dã với 5.639 cá thể; trong đó có 37 cơ sở nuôi động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, động vật hoang dã nguy cấp thuộc phụ lục Cites được cấp mã số theo quy định

chặt phá rừng, phục hồi rừng đã suy thoái, đẩy mạnh trồng và tái sinh rừng; triển khai thu phí dịch vụ môi trường rừng.

2.2.10. Khoa học công nghệ và Đổi mới sáng tạo

Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được tập trung triển khai khá toàn diện, có nhiều tiến bộ:

Kịp thời tuyên truyền, quán triệt sâu rộng nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW đến cán bộ, đảng viên và nhân dân nhằm nâng cao nhận thức, thống nhất ý chí và hành động trong toàn hệ thống chính trị. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện chương trình hành động, kế hoạch cụ thể, phân công rõ trách nhiệm, tập trung triển khai thực hiện ngay các nhiệm vụ, bảo đảm sát với tình hình thực tiễn, tiến độ yêu cầu và nguồn lực thực hiện.

Trong kỳ, đã tập trung phát huy nội lực, tăng cường các hoạt động liên kết, hợp tác, thu hút và hấp thụ ngoại lực, tổ chức thực hiện và quản lý 93 nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng tâm, toàn diện trên các lĩnh vực: khoa học nông nghiệp (36 nhiệm vụ); khoa học Y-Dược (12 nhiệm vụ); khoa học kỹ thuật, công nghệ (16 nhiệm vụ); khoa học xã hội và nhân văn (29 nhiệm vụ), với sự tham gia và đối ứng kinh phí của các tổ chức, doanh nghiệp, người dân để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở đạt trên 15,9 tỷ đồng, tăng 280% so với giai đoạn 2016-2020; huy động được nguồn hỗ trợ kinh phí đối ứng từ nguồn ngân sách của Bộ, ngành Trung ương là 45,27 tỷ đồng; nghiệm thu, bàn giao và đưa kết quả nghiên cứu vào ứng dụng 45 đề tài, dự án khoa học và công nghệ. Kết quả nghiên cứu đã được ứng dụng triển khai hiệu quả vào các lĩnh vực kinh tế và đời sống xã hội, trong đó đã đóng góp tích cực hơn trong nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa (cụ thể: một số cây trồng, vật nuôi bản địa như: Lúa nếp cẩm, Lúa nếp ong, Lê vàng Đông Khê, bò địa phương...đã được phục tráng, nhân giống; cải tạo, nâng cao năng suất được từ 10-15% so với trước khi nghiên cứu); tạo ra những sản phẩm mới có giá trị kinh tế cao, phù hợp nhu cầu thị trường, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tăng thu nhập cho người dân, gìn giữ và phát huy truyền thống văn hoá dân tộc, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Tích cực triển khai Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” trên địa bàn tỉnh Cao Bằng: đã thiết lập và đưa vào vận hành cổng thông tin điện tử Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (<https://startup.caobang.gov.vn>); hình thành đội ngũ tư vấn địa phương về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (15 người); 01 Câu lạc bộ Đầu tư và Khởi nghiệp. Nhiều hoạt động, sự kiện đổi mới sáng tạo được tổ chức, trong đó đã tổ chức thành công sự kiện Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Cao Bằng (Techfest Cao Bằng 2024) với chủ đề “Suối nguồn sáng tạo, khát vọng non sông” với chuỗi các hoạt động hội thảo, diễn đàn, triển lãm, giới thiệu các sản phẩm công nghệ, sản phẩm kết quả của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, sản phẩm khởi nghiệp sáng tạo...góp phần lan tỏa tinh thần đổi mới sáng tạo, thể hiện quyết tâm của tỉnh Cao Bằng trong xây dựng, kiến tạo môi trường thuận lợi để phát

triển. Tỉnh đã hỗ trợ 25 tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã để đầu tư, ứng dụng và đổi mới công nghệ, hình thành các ý tưởng và đẩy mạnh liên kết tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, mở rộng thị trường... với tổng kinh phí hỗ trợ trực tiếp khoảng 627.845.000 đồng. Phong trào thi đua lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật được tăng cường đẩy mạnh, hằng năm, tỉnh có hàng nghìn sáng kiến, giải pháp được đề nghị công nhận, hầu hết các sáng kiến được áp dụng và mang lại hiệu quả.

Công tác sở hữu trí tuệ, quản lý tiêu chuẩn đo lường chất lượng và thúc đẩy thực hiện truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm, hàng hóa được quan tâm, chú trọng đẩy mạnh: toàn tỉnh hiện có 135 văn bằng bảo hộ sở hữu công nghiệp, trong đó có: 01 sáng chế, 15 kiểu dáng công nghiệp, 02 chỉ dẫn địa lý và 143 nhãn hiệu; Nhiều dự án khoa học và công nghệ trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ được triển khai và phát huy hiệu quả¹⁸. Tỉnh đã hỗ trợ nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa cho 11 lượt doanh nghiệp, hợp tác xã với tổng kinh phí 355 triệu đồng; đưa vào vận hành, khai thác sử dụng hệ thống thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa, đã có 99 tài khoản đăng ký với hơn 110 sản phẩm cập nhật thông tin lên hệ thống (trong đó: 100% các sản phẩm OCOP đã được cấp chứng nhận đến năm 2023 đều thực hiện truy xuất nguồn gốc); triển khai thực hiện 08 điểm truy xuất nguồn gốc công cộng và 06 mô hình chuỗi cửa hàng giới thiệu quảng bá, kết nối từ trang trại, nơi sản xuất đến tay người tiêu dùng.

2.3. Lĩnh vực Văn hóa - Xã hội

2.3.1. Công tác Giáo dục và Đào tạo

Công tác giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh tiếp tục được quan tâm đổi mới, nâng cao chất lượng, ngày càng đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân. Triển khai đồng bộ các giải pháp thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong tình hình mới; công tác chỉ đạo điều hành có sự đổi mới, đột phá, đặc biệt là nâng cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu; công tác truyền thông được đẩy mạnh; trường đạt chuẩn quốc gia vượt 33,33% kế hoạch giai đoạn, nâng tổng toàn tỉnh có 194 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt 38,5% trên tổng số trường; công tác phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, tiểu học, trung học cơ sở được duy trì và nâng cao, phổ cập giáo dục tiểu học đạt mức độ 3 (mức độ cao nhất), đặc biệt giáo dục mũi nhọn có bước đột phá ở cuối nhiệm kỳ (cả nhiệm kỳ đạt 95 giải quốc gia, trong đó riêng 2 năm học cuối nhiệm kỳ chiếm tỉ lệ 81%); giáo dục STEM, Robotics được đẩy mạnh và đạt thành tích cao ở giải quốc gia và quốc tế (đạt 04 giải quốc tế thi đấu Robotics). Chất lượng giáo dục duy trì, nâng cao, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông hằng năm đạt trên 96%.

Mạng lưới trường, lớp học tiếp tục được rà soát, sắp xếp lại, cơ bản phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Toàn tỉnh hiện có 516 cơ sở giáo dục,

¹⁸ Tỉnh Cao Bằng đã triển khai 10 dự án về phát triển tài sản trí tuệ, cụ thể: chỉ dẫn địa lý: Trúc sào Cao Bằng, Dê Trùng Khánh; nhãn hiệu chứng nhận: Lê Đông Khê, Thạch đen Thạch An – Cao Bằng, Miến dong Ân Lại; nhiều nhãn hiệu tập thể: Miến dong Nguyên Bình, Quýt Trà Lĩnh, Nếp Hương Bảo Lạc, Nếp Ong Trùng Khánh, Vịt cỏ Trùng Khánh.

757 điểm trường (giảm 43 cơ sở giáo dục và 65 điểm trường so với năm 2020). Cơ sở vật chất trường lớp, trang thiết bị dạy học được quan tâm đầu tư bổ sung, cơ bản đáp ứng nhu cầu dạy và học. Triển khai đổi mới chương trình, sách giáo khoa theo đúng lộ trình, đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục cho các đối tượng người học. Công tác xã hội hoá giáo dục được quan tâm, đẩy mạnh.

Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục được tăng cường rà soát, bổ sung, bố trí sắp xếp; từng bước khắc phục tình trạng thiếu giáo viên trên địa bàn qua việc triển khai các giải pháp bồi dưỡng, biệt phái giáo viên; đầu tư trang thiết bị để kết nối dạy học trực tuyến giữa các huyện, thành phố và ngoài tỉnh; tổ chức tuyển dụng viên chức, đặt hàng đào tạo giáo viên. Toàn tỉnh hiện có tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên là 11.311, tuy nhiên, còn thiếu 586 giáo viên (trong đó thiếu trên 15% giáo viên tiếng Anh).

2.3.2. Công tác Y tế, Dân số

Cao Bằng có trên 300km đường biên giới với Trung Quốc, là tuyến đầu phòng chống dịch Covid-19 xâm nhập, đón lượng người từ Trung Quốc trở về nhiều nhất cả nước; thực hiện chiến lược “phòng dịch từ xa” với phương châm đi trước một bước và cao hơn một mức để không phải chống dịch, tỉnh đã triển khai thực hiện tốt công tác kiểm soát, phòng chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh. Trải qua 04 đợt bùng phát dịch trong cả nước, Cao Bằng là địa phương cuối cùng bị dịch xâm nhập, ca bệnh đầu tiên được ghi nhận vào tháng 11/2021. Trong giai đoạn bùng phát dịch bệnh, tỉnh đã quyết liệt chỉ đạo các cấp, các ngành tập trung thực hiện “mục tiêu kép” - vừa quyết liệt phòng chống dịch bệnh, vừa duy trì và phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội, bảo đảm đời sống nhân dân: Chủ động, linh hoạt bám sát tình hình và quyết định áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch bệnh phù hợp; các cơ sở y tế thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên môn trong phòng, chống dịch; thiết lập cơ sở thu dung, điều trị theo mô hình tháp 3 tầng; triển khai xét nghiệm sàng lọc theo vùng nguy cơ và nhóm nguy cơ; truy vết thân tộc F1, cách ly điều trị, bóc tách F0; đẩy nhanh tiến độ bao phủ vắc-xin; tăng cường giám sát, theo dõi, cập nhật tình hình dịch bệnh; kịp thời hướng dẫn các biện pháp kiểm soát, giải quyết các vướng mắc phát sinh trong các hoạt động đi lại, làm việc, học tập, sản xuất kinh doanh... của người dân, doanh nghiệp; chuẩn bị sẵn sàng cơ sở vật chất, bảo đảm thuốc, vật tư, trang thiết bị; tiếp cận sớm với các nguồn thuốc điều trị đặc hiệu. Đến năm 2023, dịch bệnh Covid - 19 cơ bản đã được kiểm soát. Toàn tỉnh Cao Bằng ghi nhận 99.418 người mắc Covid -19, tử vong 67 người; đến nay: toàn tỉnh đã tiêm được 1.344.719 mũi tiêm. Tháng 10/2023, Bộ Y tế đã công bố điều chỉnh Covid-19 từ bệnh truyền nhiễm nhóm A sang bệnh truyền nhiễm nhóm B. Qua đó, công tác y tế dự phòng càng được tỉnh quan tâm củng cố, với phương châm dự phòng là chính; thực hiện tốt chương trình tiêm chủng mở rộng tại 100% các xã, phường.

Hệ thống cơ sở y tế tiếp tục được rà soát, sắp xếp, đầu tư, nâng cấp, cải tạo sửa chữa, mua sắm trang thiết bị y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Đến hết tháng 6/2025, trên địa bàn tỉnh có: Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện đa khoa y dược cổ truyền phục hồi chức

năng, 04 Bệnh viện đa khoa huyện, 10 Trung tâm y tế (tổng quy mô giường bệnh 1.875 giường bệnh), 161 Trạm y tế xã, phường, thị trấn, 1.367 y tế thôn, bản/1.462 thôn, bản; 02 bệnh viện tư nhân với quy mô 90 giường bệnh. Giai đoạn 2021-2025, được đầu tư xây mới 08 trạm y tế xã; 01 trung tâm y tế huyện; 01 Bệnh viện đa khoa y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng; trong kỳ, tổng mức đầu tư mua sắm trang thiết bị các cấp là 25,236 tỷ đồng. Đến nay, số giường bệnh/ 10.000 dân (không kể giường Trạm y tế xã) đạt 35 giường/vạn dân, đạt kế hoạch đề ra. Toàn tỉnh có 147/161 xã đạt tiêu chuẩn quốc gia về y tế xã đạt 91,3%, vượt 26 xã tương đương 16,3 điểm % so với kế hoạch.

Đội ngũ nhân lực y tế tiếp tục được tăng cường, rà soát, bố trí, điều chuyển, sắp xếp, đặc biệt là số lượng bác sĩ ở trung tâm y tế huyện, trạm y tế xã để bảo đảm nhân lực cho việc khám bệnh, chữa bệnh cho nhân dân ngay tại địa bàn. Tỷ lệ bác sĩ trên vạn dân tiếp tục duy trì đạt 15 bác sĩ trên vạn dân đạt chỉ tiêu kế hoạch. Số được sĩ đại học/vạn dân là 1,68 được sĩ đại học/vạn dân; số điều dưỡng là 15,4 điều dưỡng/vạn dân. Tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ làm việc (bác sĩ định biên) là 81,6%.

Tổ chức tốt công tác khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; chất lượng khám chữa bệnh từng bước được nâng cao, cơ bản đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của Nhân dân: thực hiện đúng chế độ chính sách đối với người bệnh, đặc biệt là trẻ em dưới 6 tuổi, người nghèo, người có công với cách mạng; ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, chuyên đổi số trong quản lý khám, chữa bệnh và thanh toán chi phí khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế: 100% các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn sử dụng thẻ căn cước công dân gắn chip thay thế thẻ bảo hiểm y tế trong khám chữa bệnh, tỷ lệ sử dụng tại các cơ sở y tế trong và ngoài công lập đạt 49,2% tổng lượt khám và điều trị; thực hiện kết nối các cơ sở cung ứng, phân phối thuốc; thực hiện đấu thầu tập trung thuốc cấp địa phương, đảm bảo đáp ứng thuốc cho nhu cầu khám, chữa bệnh; đẩy mạnh đào tạo nâng cao chất lượng nhân lực y tế; nhiều kỹ thuật mới được đưa vào ứng dụng trong khám bệnh và điều trị bệnh tại Bệnh viện đa khoa tỉnh, bệnh viện đa khoa huyện và Trung tâm y tế; Công suất sử dụng giường bệnh chung của toàn tỉnh ước 93%, ngày điều trị nội trú trung bình toàn tỉnh ước đạt 6,6 ngày; tinh thần trách nhiệm, phong cách, thái độ phục vụ, chăm sóc người bệnh của cán bộ y tế ngày càng chuyên nghiệp, hướng tới sự hài lòng của người bệnh; các cơ sở khám chữa bệnh tư nhân được đầu tư cơ sở hạ tầng và trang thiết bị hiện đại phục vụ cho công tác khám chữa bệnh thu hút được nhiều bệnh nhân đến khám và điều trị.

Công tác dân số và phát triển được quan tâm triển khai, tập trung triển khai chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030; Chương trình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hoá gia đình; Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng; Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh.... Cao Bằng đã bước vào thời kỳ già hóa dân số, tỷ lệ người trên 60 tuổi chiếm gần 10,8% dân số; tốc độ tăng dân số trung bình

đạt 1,31%; tuổi thọ trung bình năm 2024 tăng lên 72,7 tuổi; Tỷ số giới tính ước thực hiện năm 2024 là 112 bé trai/100 bé gái; quy mô dân số trung bình ước đạt 558.461 người; tỷ lệ dân số đô thị chiếm khoảng 25,5%. Các hoạt động sàng lọc chẩn đoán trước sinh, sơ sinh ngày càng được người dân quan tâm, thực hiện.

2.3.3. Văn hoá, thể thao

Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; xây dựng thiết chế văn hóa - thể thao cơ sở tiếp tục được các cấp, các ngành, địa phương trong tỉnh triển khai rộng khắp, gắn kết với nhiều cuộc vận động, các phong trào khác nhau và nhận được sự hưởng ứng mạnh mẽ của các tầng lớp Nhân dân. Qua đó, tiếp tục xây dựng môi trường văn hóa - thể thao lành mạnh, giữ gìn, phát huy các truyền thống, phong tục tốt đẹp của dân tộc, góp phần nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của người dân, bảo đảm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Ước kết quả thực hiện đến hết giai đoạn 2021-2025: Toàn tỉnh có 89% hộ gia đình, 80% khu dân cư, 95% cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn văn hóa và gần 60% xóm, tổ dân phố có nhà văn hóa (đáp ứng nhu cầu sử dụng).

Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa ở địa phương đạt nhiều kết quả: có thêm 03 di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia và 09 di tích cấp tỉnh được xếp hạng; hoàn thành công tác kiểm kê, toàn tỉnh hiện có 271 di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh, trong đó có 103 di tích đã được xếp hạng các cấp¹⁹. Trên địa bàn toàn tỉnh còn lưu giữ trên 2.000 di sản²⁰: trong đó, có thêm 10 di sản văn hóa được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia²¹, di sản “Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái Việt Nam” (trong đó có nghi lễ Then của người Tày Cao Bằng) được UNESCO ghi danh vào Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Toàn tỉnh hiện có 09 nghệ nhân được phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể, nâng số lượng nghệ nhân được phong tặng danh hiệu nghệ nhân nhân dân “Nghệ nhân ưu tú” lên 24 nghệ nhân (01 Nghệ nhân Nhân dân, 23 Nghệ nhân ưu tú). Công tác tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được quan tâm, chú trọng²². Tăng cường mở các lớp truyền dạy, hội thảo nhằm định hướng, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc và gắn với phát triển du lịch. Triển khai nhiều đề tài, chương trình,

¹⁹ Trong đó có 03 di tích quốc gia đặc biệt, 26 di tích cấp quốc gia, 74 di tích cấp tỉnh; 02 bảo vật quốc gia: Đôi chuông chùa Đà Quận - còn gọi là chùa Viên Minh (xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng) và Bia Ma nhai Ngự chế của Vua Lê Thái Tổ (Bình Long, Hòa An).

²⁰ Trong đó: Loại hình tiếng nói chữ viết có 06 di sản; ngữ văn dân gian có 150 di sản; tập quán xã hội và tín ngưỡng có 745 di sản; lễ hội truyền thống có 200 di sản; nghề thủ công truyền thống có 112 di sản; tri thức dân gian có 487 di sản; nghệ thuật trình diễn dân gian có 300 di sản.

²¹ Nghi lễ Then của người Tày Cao Bằng; Lễ hội Nàng Hai, xã Tiên Thành, huyện Phục Hòa (nay là huyện Quảng Hòa); Nghề rèn của người Nùng An, xã Phúc Sen, huyện Quảng Uyên (nay là huyện Quảng Hòa); Lễ hội tranh đầu pháo, thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hòa; Nghệ thuật trang trí hoa văn trên trang phục của người Dao Đỏ xã Vũ Minh (huyện Nguyên Bình); Nghệ thuật trình diễn dân gian Lượn Cọi của người Tày xã Yên Thổ, xã Nam Quang, xã Quảng Lâm (huyện Bảo Lâm); Nghề Dệt thổ cẩm của người Tày xóm Luống Nọi, xã Ngọc Đào (huyện Hà Quảng).

²² Tu bổ các di tích Quốc gia đặc biệt: Khu di tích Quốc gia đặc biệt Pác Bó, Khu di tích Địa điểm chiến thắng Biên giới năm 1950, Khu di tích rừng Trần Hưng Đạo; trùng tu, tôn tạo Gác chuông bảo quản Bảo vật quốc gia Đôi chuông chùa Đà Quận, xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng; tu bổ, tôn tạo địa điểm lưu niệm đồng chí Hoàng Đình Giông...

dự án nghiên cứu, bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống của các dân tộc trên địa bàn tỉnh.

Hoạt động văn hoá, văn nghệ trên địa bàn tỉnh diễn ra sôi động, từng bước được phát triển với nhiều hình thức đa dạng và phong phú mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc: Tham gia nhiều hoạt động, sự kiện văn hóa lớn tại các địa phương trong nước; hằng năm tổ chức thành công nhiều hội thi, hội diễn, liên hoan văn nghệ như: Hội thi Hát dân ca - Trình diễn trang phục dân tộc, Liên hoan hát Then - đàn Tính tỉnh Cao Bằng (02 năm/lần), Tuần Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Lễ hội về nguồn Pác Bó, Lễ hội Thác Bản Giốc...; tổ chức thành công hội nghị “Giới thiệu Cao Bằng” tại Hà Nội năm 2023; Triển lãm Mỹ thuật khu vực III (Tây Bắc - Việt Bắc) lần thứ 28 năm 2023...

Phong trào thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh phát triển rộng khắp, thu hút đông đảo người dân tập luyện, góp phần tăng cường sức khỏe, xây dựng lối sống lành mạnh, cải thiện đời sống văn hóa, tinh thần cho Nhân dân... Tổ chức và đăng cai tổ chức sự kiện thể thao cấp quốc gia và khu vực tại tỉnh, phối hợp lồng ghép các chương trình quảng bá du lịch, các sản phẩm dịch vụ, nông sản Cao Bằng, đưa hình ảnh cảnh quan, văn hóa của tỉnh đến với bạn bè trong nước và quốc tế; thể dục thể thao quần chúng được phát triển mạnh mẽ. Tổng số người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên là 30%, tổng số gia đình thể thao là 20%; tham gia các giải thể thao quần chúng đều đạt kết quả cao²³. Thể thao thành tích cao đạt nhiều thành tích nổi bật tại các giải đấu quốc gia và khu vực trong các môn thể mạnh như, điền kinh, các môn võ, khiêu vũ thể thao... đặc biệt năm 2024 đạt 3 Huy chương vàng, 1 Huy chương bạc, 2 Huy chương đồng các giải quốc tế và có 1 vận động viên dự giải Vô địch Pencak Silat trẻ Thế giới lần thứ V tại UAE.

2.3.4. Thông tin, truyền thông và chuyển đổi số

Hoạt động thông tin, truyền thông, chuyển đổi số có những bước phát triển đáng ghi nhận, thể hiện tính bền vững, góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng tại địa phương.

Công tác chuyển đổi số trên địa bàn được triển khai mạnh mẽ, đồng bộ, tạo nên những bước tiến đột phá: Có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và người dân trong tỉnh về chuyển đổi số, với sự chuyển biến rất tích cực trong nhận thức đến hành động. Hạ tầng thông tin và truyền thông từng bước được đầu tư, hoàn thiện: Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) cấp tỉnh tiếp tục được triển khai hoạt động ổn định, đã kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Quốc gia (NDXP), trực liên thông văn bản quốc gia (VDXP), cổng dịch vụ công quốc gia; LGSP của tỉnh đáp ứng sẵn sàng kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu quốc gia khác; mạng truyền số liệu chuyên dùng được triển khai kết nối đến

²³ Năm 2022: “Giải bóng chuyền hơi trung, cao tuổi toàn quốc” đạt 01 HCV nội dung lứa tuổi 40 - 46. Năm 2023: Giải vô địch Thể dục dưỡng sinh và Gala toàn quốc năm 2023 tại Đà Nẵng đạt 02 HCV. Hội thi thể thao các dân tộc thiểu số toàn quốc lần thứ XIII, khu vực I năm 2023, đạt Nhì toàn đoàn với 4 HCV, 8 HCB, 9 HCD. Năm 2024: “Giải bóng chuyền hơi trung, cao tuổi toàn quốc” đạt 01 HCV nội dung lứa tuổi 40 - 46.

100% UBND cấp huyện, cấp xã trên toàn tỉnh và được giám sát bởi hệ thống của Cục Bưu điện Trung ương; hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến được triển khai trên toàn tỉnh và kết nối 04 cấp; hệ thống giám sát an toàn thông tin tỉnh Cao Bằng (SOC) được xây dựng và hoạt động ổn định giúp giám sát, phát hiện và cảnh báo sớm, kịp thời các nguy cơ tấn công mạng cho máy tính tại các cơ quan, đơn vị và được kết nối chia sẻ thông tin với Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC); triển khai trung tâm tích hợp dữ liệu dùng chung của tỉnh trên nền tảng điện toán đám mây để phục vụ xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số; nền tảng Công dân số tỉnh Cao Bằng được đầu tư và đưa vào sử dụng; 100% các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã có trang thông tin điện tử để cung cấp thông tin kịp thời về hoạt động quản lý Nhà nước; 100% trang thông tin điện tử cơ quan nhà nước được gắn nhãn tín nhiệm mạng nhằm tăng mức độ uy tín của các trang thông tin điện tử cơ quan nhà; hoàn thiện và đưa vào khai thác, sử dụng có hiệu quả các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành: Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa, Thể thao và Du lịch...

Các trụ cột chuyển đổi số: chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đảm bảo an toàn thông tin mạng được quan tâm đầu tư, đạt nhiều kết quả tích cực: Các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh (hệ thống một cửa điện tử, cổng dịch vụ công, hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến, hệ thống thông tin báo cáo...) vận hành ổn định, hiệu quả; hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh đang cung cấp 1582 dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần²⁴; Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến đạt: 61,46%; tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có giao dịch thanh toán trực tuyến đạt: 44,76%; tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến đạt: 44,57%; tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 80,88%, Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt 58,45%, Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử đạt 81,19%. Toàn tỉnh đã cấp 9.090 chữ ký số chuyên dùng, 5.991 chữ ký số công cộng. Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch ngân hàng đạt 80%; tổng số thuê bao điện thoại thông minh trên tổng số thuê bao di động trên địa bàn tỉnh đạt 85,93%; số lượng hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang đạt 60,06%. Hệ thống giám sát an toàn thông tin (SOC) duy trì hoạt động ổn định.

Đề án 06 (Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030) đã được triển khai thực hiện chủ động, quyết liệt đạt một số kết quả nổi bật: Cao Bằng là một trong 3 tỉnh đầu tiên trên cả nước kết nối hệ thống cổng dịch vụ công của tỉnh và một cửa điện tử tỉnh với phần mềm dịch vụ công liên thông theo quy định; là tỉnh đứng 22 về đích 100% cấp căn cước công dân cho công dân đủ điều kiện trên địa bàn; đứng thứ 19 về đích trong thực hiện thu nhận, kích hoạt tài khoản định danh điện tử. Đến nay đã thành lập hợp nhất Tổ

²⁴ Trong đó: 519 dịch vụ công trực tuyến một phần; 1063 dịch vụ công trực tuyến toàn trình

công nghệ số cộng đồng và Tổ công tác triển khai thực hiện Đề án 06 thôn, xóm, tổ thành Tổ Chuyển đổi số cộng đồng với 1.462 Tổ, 6.676 thành viên; đồng thời thường xuyên tập huấn cho các Tổ, thành viên Tổ chuyển đổi số cộng đồng.

Hạ tầng mạng bưu chính, viễn thông phát triển đến tất cả các xã trên địa bàn tỉnh, đến hầu hết các thôn bản và khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc, mạng băng rộng cố định cáp quang phát triển đến 100% các xã và các thôn tập trung đông dân cư, các tuyến cáp trong đô thị đã được ngầm hoá trên 25%, mạng thông tin di động mặt đất và băng rộng di động 4G đã phủ sóng đến 92% trên địa bàn tỉnh; toàn tỉnh đã phát triển tổng số vị trí trạm BTS là: 1.217 vị trí; 100% huyện và các xã có đường thư bưu chính, được phát báo nhân dân và một số ấn phẩm tuyên truyền khác. Trên địa bàn tỉnh hiện có 02 doanh nghiệp bưu chính và 07 văn phòng đại diện chuyển phát; 04 doanh nghiệp viễn thông phát triển hạ tầng.

Công tác quản lý báo chí và xuất bản, thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại, thông tin điện tử tiếp tục được tăng cường; 100% các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp xã, phường có trang thông tin điện tử để cung cấp thông tin kịp thời về hoạt động quản lý Nhà nước; 100% trang thông tin điện tử cơ quan nhà nước được gắn nhãn tín nhiệm mạng nhằm tăng mức độ uy tín của các trang thông tin điện tử cơ quan nhà nước; 100% xã, phường có đài truyền thanh cấp xã, trong đó trên 92% đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông (đài truyền thanh thông minh); đổi mới phương thức cung cấp, nâng cao chất lượng nội dung thông tin, tăng cường tương tác hai chiều để người dân tham gia nhiều hơn vào các hoạt động của chính quyền; duy trì giao ban báo chí định kỳ để đánh giá hoạt động báo chí, kịp thời cung cấp thông tin và định hướng cho hoạt động báo chí, tạo đồng thuận xã hội; thông tin kịp thời về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, các ngày lễ kỷ niệm, sự kiện lớn của địa phương; tích cực thông tin, tuyên truyền về thành tựu trên các lĩnh vực, quảng bá du lịch, văn hóa, nghệ thuật đặc sắc của các dân tộc Cao Bằng; kịp thời xây dựng chuyên trang, chuyên mục, đăng tải các tin, bài đấu tranh, phản bác các thông tin xấu, độc, âm mưu lợi dụng vấn đề phức tạp, nhạy cảm để hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước. Thực hiện tinh gọn, sắp xếp sáp nhập 2 cơ quan báo chí của tỉnh.

2.3.5. Lao động - Việc làm, giảm nghèo và an sinh xã hội

Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động, đặc biệt là lao động nông thôn được quan tâm triển khai: tổ chức tuyển sinh, đào tạo gắn với nhu cầu sử dụng; tăng cường liên kết với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong việc tuyển sinh, đào tạo và giải quyết việc làm cho lao động; đa dạng hóa các ngành nghề, tư vấn chuyển đổi ngành nghề phù hợp xu thế thị trường; cập nhật, bổ sung các ngành nghề mới, duy trì đào tạo nguồn nhân lực gắn với các ngành nghề truyền thống của địa phương như: nghề rèn, dệt thổ cẩm, làm hương, đường phen, miến dong, ngói máng, làm nón lá, trồng dâu nuôi tằm, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi đại gia súc, gia cầm, trồng nấm, bún khô, chạm khắc bạc, trồng rừng và cây dược liệu; thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ

tạo việc làm cho người lao động; làm tốt công tác dự báo, kết nối cung - cầu lao động với các tỉnh trong khu vực và cả nước. Ước giai đoạn 2021-2025, tuyển mới đào tạo nghề cho 30.314 người, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 46,6% năm 2021 lên 51,2% năm 2025, vượt 1,2 điểm % so với kế hoạch; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề từ 34,4% năm 2021 lên 40% năm 2025, đạt 100 % kế hoạch; hỗ trợ tạo việc làm cho 43.160 lao động, trong đó số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 1.076 người; tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị năm 2025 là 3%, đạt kế hoạch.

Các chính sách hỗ trợ giảm nghèo được triển khai đồng bộ, có hiệu quả. Trong giai đoạn 2021-2025, với tổng vốn giao 2.950 tỉ đồng, đã triển khai đầu tư: 216 công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn 07 huyện nghèo²⁵; hỗ trợ thực hiện duy tu bảo dưỡng được 170 công trình phục vụ dân sinh, sản xuất; thực hiện trên 500 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và 6 dự án hỗ trợ nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững với trên 40.000 hộ tham gia dự án; tăng cường mở các hội nghị tập huấn nâng cao năng lực, tổ chức phiên giao dịch việc làm, ngày hội việc làm, hội nghị truyền thông...; hỗ trợ duy trì, vận hành 99 điểm cung cấp dịch vụ bưu chính công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân tại các xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn... Trên 30.000 lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, học sinh sinh viên được vay vốn; hằng năm, trên 300.000 lượt thẻ bảo hiểm y tế được cấp cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số; trên 10.000 thẻ bảo hiểm y tế được cấp cho các đối tượng bảo trợ xã hội; 100% học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, cận nghèo được miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và các khoản đóng góp; hằng năm, hỗ trợ tiền điện cho trên 20.000 hộ nghèo, hộ chính sách xã hội; hỗ trợ 236.908 người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, kinh phí hỗ trợ là 188.296,25 triệu đồng. Hoàn thành Chương trình hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho 19.068 hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh. Tỷ lệ hộ nghèo giảm được 21,22%, bình quân mỗi năm giảm 4,24%, đạt mục tiêu kế hoạch.

Các chính sách an sinh xã hội: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, chính sách bảo trợ xã hội... được thực hiện đồng bộ, đầy đủ, kịp thời, góp phần cải thiện đời sống nhân dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn. Ước đến năm 2025, toàn tỉnh có: 550.760 người tham gia bảo hiểm y tế, chiếm tỷ lệ 98,7% dân số, bao gồm cả những người tham gia bảo hiểm y tế trong lực lượng vũ trang, người dân đi lao động, học tập ngoài tỉnh được cấp thẻ bảo hiểm y tế tại địa phương nơi lao động, làm việc, học tập (đạt kế hoạch); 59.720 người tham gia bảo hiểm xã hội, chiếm tỷ lệ 26,12% lực lượng lao động trong độ tuổi (vượt 5,12 điểm % so với KH); 29.345 người tham gia bảo hiểm thất nghiệp, chiếm tỷ lệ 12,83% lực lượng lao động trong độ tuổi (vượt 0,33 điểm % so với KH); kịp thời giải quyết, chi hỗ trợ bằng tiền cho người lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-

²⁵ Trong đó: 130 công trình giao thông, 14 công trình điện, 38 công trình trường học, 07 công trình y tế, 03 công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa thể thao, 12 công trình thủy lợi phục vụ sản xuất, 04 công trình phục vụ nước sinh hoạt cho người dân.

19 từ kết dư Quỹ bảo hiểm thất nghiệp là 42.328 triệu đồng...; quan tâm giải quyết đầy đủ các chính sách ưu đãi của nhà nước cho 48.578 đối tượng người có công và thân nhân người có công; trợ cấp bảo trợ xã hội hằng tháng tại cộng đồng cho 29.287 lượt đối tượng; trợ cấp xã hội đột xuất cho 1.010 trường hợp; cứu đói dịp Tết, dịp Giáp hạt cho 178.525 lượt hộ với số gạo hỗ trợ là 11.089 tấn; thực hiện nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội bình quân từ 220 đến 250 đối tượng/năm; các hoạt động hỗ trợ người khuyết tật, người cao tuổi được thực hiện đầy đủ theo quy định của Luật Người khuyết tật, người cao tuổi. Đẩy mạnh tuyên truyền thực hiện chi trả chính sách an sinh xã hội không dùng tiền mặt, tại thời điểm tháng 10/2024, đối tượng bảo trợ xã hội đã mở tài khoản là 9.938 tài khoản/29.225 đối tượng đang quản lý, đạt 34,01%; đối tượng người có công thực hiện đạt 25%.

2.3.6. Công tác Dân tộc, Tôn giáo

a) Công tác Dân tộc

Cao Bằng có 35 dân tộc cùng sinh sống, gần 95% dân số là đồng bào dân tộc thiểu số, trước sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh có: 124/161 xã thuộc khu vực III, 7/10 huyện, thành phố là huyện biên giới; 7/10 huyện trong danh sách 74 huyện nghèo nhất cả nước. Với sự quan tâm sâu sắc của Đảng, Nhà nước và sự nỗ lực của các cấp ủy Đảng, chính quyền, nhân dân các dân tộc trong tỉnh, công tác dân tộc, chính sách dân tộc được triển khai đồng bộ, kịp thời, có hiệu quả, đặc biệt là Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021-2025 (Chương trình 1719), cùng với các chính sách quy định tại: Quyết định 12/2018/QĐ-TTg, Quyết định 498/QĐ-TTg, Quyết định 2085/QĐ-TTg, Quyết định 2086/QĐ-TTg, Quyết định 1898/QĐ-TTg, Quyết định 771/QĐ-TTg, Quyết định 414/QĐ-TTg... hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở, nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn; quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư; phát triển sản xuất nông lâm nghiệp; đầu tư cơ sở hạ tầng; phục vụ sản xuất và đời sống; chính sách đặc thù đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù; phát triển giáo dục đào tạo, y tế; bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống của các dân tộc thiểu số; chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số...qua đó, huy động mọi nguồn lực, triển khai đầu tư có trọng tâm, trọng điểm để phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi bảo đảm phát triển gắn liền với an sinh xã hội, giảm nghèo nhanh, bền vững cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

Trong giai đoạn từ năm 2021-2025: triển khai 10 Dự án thuộc Chương trình 1719, với nguồn lực hỗ trợ trên 5.000 tỷ đồng: đã đầu tư 1.366 công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu; thực hiện duy tu bảo dưỡng 415 công trình; hỗ trợ làm nhà cho 589 hộ nghèo dân tộc thiểu số; hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho 16.426 hộ; đầu tư 149 công trình nước sinh hoạt tập trung; hỗ trợ chuyển đổi nghề cho trên 679 hộ; 116 hộ nghèo dân tộc thiểu số được vay vốn ưu đãi để chuyển đổi ngành nghề; đầu tư 08 dự án quy hoạch sắp xếp, bố trí, ổn định dân

cư cho 266 hộ dân; hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị được 88 kế hoạch, 891 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế cộng đồng với tổng số 46.530 hộ dân tham gia; 12.177 lượt cán bộ, công chức các xã, phường, thị trấn được tập huấn nâng cao năng lực; 1.230.733 tờ báo, tạp chí cấp cho người có uy tín; thăm ốm, thăm viếng, hỗ trợ thiên tai 297 trường hợp người có uy tín và thân nhân; tặng quà Tết cho 4.386 người có uy tín; hỗ trợ xây dựng chuồng trại cho 87 hộ, cung cấp giống cây lâm nghiệp cho 704 lượt hộ, đầu tư xây dựng 05 dự án cơ sở hạ tầng thiết yếu cho đồng bào dân tộc Lô Lô; bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho 4.813 lượt cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, xã, bí thư chi bộ, trưởng xóm; trên 6.900 lượt người tham gia các hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số; trên 42.699 lượt người được tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND cấp xã... trong năm 2024, Đại hội Đại biểu các dân tộc thiểu số các cấp đã được tổ chức thành công trên địa bàn tỉnh tiếp tục khơi dậy lòng tự hào, ý chí tự lực tự cường dân tộc, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

b) Công tác tôn giáo

Trên địa bàn tỉnh hiện có 03 tôn giáo (Công giáo, Phật giáo, Tin lành) với 122 chức sắc, khoảng 23.500 tín đồ và khoảng 830 cơ sở tín ngưỡng. Giai đoạn 2021-2025, tình hình tín ngưỡng, tôn giáo cơ bản ổn định; chức sắc, chức việc và đồng bào có đạo yên tâm và tiếp tục tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, nhà nước và các cấp chính quyền trong tỉnh. Các hoạt động tôn giáo của các tổ chức, cơ sở đều tuân thủ pháp luật; quan hệ giữa các cơ quan nhà nước và các tổ chức tôn giáo ngày càng gắn bó; các tổ chức, cá nhân tôn giáo tích cực ủng hộ và gương mẫu thực hiện chính sách, pháp luật; các hoạt động tôn giáo tiêu cực được hạn chế rõ rệt.

UBND tỉnh đã ban hành Quy chế phối hợp công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Các địa phương đã bám sát chỉ đạo của cấp trên, chủ động, kịp thời xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện có hiệu quả các văn bản về công tác tín ngưỡng, tôn giáo; thực hiện tốt công tác tranh thủ, vận động chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo tham gia thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở đơn vị; kiên quyết đấu tranh, phản bác một số hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo lệch lạc, trái với thuần phong mỹ tục và truyền thống văn hóa của dân tộc. Công tác đôn đốc, hướng dẫn các địa phương trong quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo được tăng cường; việc hỗ trợ chức sắc, chức việc thực hiện thủ tục hành chính, tham mưu giải quyết các đề nghị hợp pháp của tổ chức tôn giáo được triển khai kịp thời; các cơ quan chức năng thường xuyên nắm tình hình hoạt động tôn giáo, phối hợp giải quyết những vấn đề vướng mắc phát sinh ngay từ cơ sở.

2.4. Đối ngoại và hội nhập quốc tế

Công tác đối ngoại được triển khai đồng bộ, linh hoạt, dần đi vào chiều sâu và thực chất; có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ các nội dung đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân.

Hoạt động đối ngoại diễn ra sôi động, đạt nhiều kết quả tích cực, tạo thuận lợi, cơ hội, thời cơ mới để phát triển kinh tế - xã hội, ngoại giao kinh tế được đẩy mạnh: Tỉnh đã tổ chức thành công nhiều đoàn lãnh đạo cấp cao của tỉnh đi khảo sát và làm việc tại các nước Trung Quốc, Anh, Pháp, Đức, Mỹ, Australia, New Zealand, Hàn Quốc, Nhật Bản, Canada...mở ra hướng đi mới trong công tác đối ngoại của tỉnh, đặc biệt mối quan hệ hợp tác giữa Cao Bằng với Quảng Tây và các tỉnh Tây Nam Trung Quốc, hai bên đã đạt được nhận thức chung về việc kết nối tuyến vận tải đường bộ quốc tế từ Trùng Khánh - Tứ Xuyên - Quảng Tây (Bách Sắc) đến Cao Bằng - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng. Trong kỳ, tỉnh đã ký kết 51 văn bản, thỏa thuận quốc tế với các địa phương, đối tác và doanh nghiệp nước ngoài chủ yếu là các địa phương của Trung Quốc và tổ chức phi Chính phủ nước ngoài, tạo cơ sở để tỉnh Cao Bằng tiếp xúc, làm việc với các đối tác nước ngoài mở ra cơ hội hợp tác, đầu tư. Tổ chức cho 92 đoàn ra với trên 1000 lượt người chủ yếu là đoàn cán bộ, công chức, viên chức đi nghiên cứu, khảo sát, tham dự hội nghị, tham quan học tập tại các nước Đông Nam Á, Trung Quốc, châu Âu và một số nước khác. Tổ chức đón tiếp và làm việc với khoảng 118 đoàn vào với trên 762 lượt người chủ yếu đến từ các nước Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Australia, Mỹ và một số tổ chức quốc tế.

Mối quan hệ hợp tác giữa tỉnh Cao Bằng (Việt Nam) với Khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây (Trung Quốc) được củng cố, tăng cường theo hướng toàn diện, hiệu quả thiết thực: Tích cực tham gia cơ chế hợp tác giữa bốn tỉnh phía Bắc của Việt Nam là Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Hà Giang với Khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây (Trung Quốc); hằng năm, duy trì tổ chức Hội nghị Gặp gỡ đầu xuân giữa Bí thư Tỉnh ủy 4 tỉnh biên giới của Việt Nam và Bí thư Khu ủy Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc); các hoạt động giao lưu, trao đổi đoàn các cấp, các ngành được đẩy mạnh, đặc biệt là các huyện biên giới; Các hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ nhân dịp lễ tết và ngày truyền thống của hai Bên bằng nhiều hình thức đa dạng; công tác triển khai thực hiện Hiệp định hợp tác bảo vệ và khai thác tài nguyên du lịch thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức Thiên (Trung Quốc) đạt nhiều kết quả tích cực: nhân chuyến thăm chính thức Việt Nam của Thủ tướng Trung Quốc Lý Cường từ ngày 12 đến ngày 14/10/2024, UBND tỉnh Cao Bằng, Việt Nam và Chính quyền nhân dân Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc đã long trọng tổ chức Lễ vận hành chính thức Khu cảnh quan thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức Thiên (Trung Quốc) tại khu vực giữa trạm kiểm soát lối mở khu vực mốc 834/1; đến nay, các địa phương biên giới của tỉnh Cao Bằng đã ký kết 10 văn bản, thỏa thuận kết nghĩa với các hương, trấn, huyện biên giới Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc).

Duy trì, phát triển mối quan hệ hợp tác giữa tỉnh với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài (NGO) nhằm tranh thủ các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh. Hằng năm, trên địa bàn tỉnh có trên 25 dự án, phi dự án của trên 10 tổ chức phi chính phủ, cá nhân tài trợ với giá trị cam kết từ 1,5 - 3 triệu

USD²⁶. Các chương trình/dự án đã và đang được triển khai, thực hiện chủ yếu tập trung vào một số lĩnh vực, như: phát triển nông thôn; giảm nghèo; dạy nghề; bảo vệ môi trường; chuyển giao công nghệ; tăng cường năng lực quản lý; phòng chống dịch bệnh; giải quyết các vấn đề xã hội... Qua triển khai dự án, người dân đã được nâng cao nhận thức về chăm sóc sức khỏe sinh sản, cán bộ y tế được nâng cao trình độ chuyên môn, góp phần thay đổi nhận thức của gia đình, nhà trường và xã hội đối với trẻ em, bảo vệ trẻ em và phát huy quyền của trẻ em, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, sử dụng nước sạch và phát triển kinh tế hộ gia đình. Kết quả thực hiện các dự án phi chính phủ nước ngoài đóng góp thiết thực vào việc nâng cao mức sống và cải thiện sinh kế cho người dân vùng dự án hướng tới phát triển bền vững tại địa phương.

(Chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm)

3. Khó khăn, hạn chế trong việc thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu

3.1. Thuận lợi

Cao Bằng có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước; là cửa ngõ, cầu nối trên hành lang giao thương kinh tế từ các tỉnh thuộc khu vực Tây Nam Trung Quốc (bao gồm tỉnh Tứ Xuyên, Vân Nam, Quý Châu, Trùng Khánh, Tây Tạng, Quảng Tây) qua Cao Bằng - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng ra biển và đến các nước ASEAN; là vùng đất có bề dày lịch sử, giàu truyền thống cách mạng, là “cái nôi” của cách mạng Việt Nam; Đảng bộ, chính quyền và nhân dân luôn có truyền thống yêu nước, đoàn kết, thống nhất và có ý chí, quyết tâm cao.

Cao Bằng có nhiều tiềm năng, lợi thế cho phát triển bền vững với nhiều loại tài nguyên, khoáng sản phong phú, cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ, tươi đẹp và nhiều di sản văn hóa đặc sắc của đồng bào các dân tộc thiểu số để phát triển du lịch và bảo vệ môi trường sinh thái. Cao Bằng đã và đang khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế của tỉnh nói riêng, của vùng trung du và miền núi phía Bắc nói chung. Hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông, đặc biệt là các tuyến đường cao tốc huyết mạch được quan tâm đầu tư, giúp cải thiện đáng kể việc thực hiện liên kết nội tỉnh, liên kết nội vùng (giữa Cao Bằng với các tỉnh trong vùng trung du và miền núi phía Bắc) và liên kết ngoại vùng (giữa Cao Bằng với các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng).

3.2. Khó khăn và thách thức

Điều kiện tự nhiên của tỉnh ít thuận lợi, địa hình chia cắt mạnh, độ dốc lớn; dân cư sống phân tán, không tập trung; xa các trung tâm kinh tế lớn của đất nước; hạn chế khả năng tiếp cận thị trường và gia tăng chi phí phát triển; việc thu hút đầu tư để phát triển kinh tế - xã hội địa phương còn gặp nhiều khó khăn.

Cao Bằng vẫn là tỉnh thuộc “vùng trũng” trong phát triển và là “lỗi

²⁶ 2021: 28 dự án của 10 tổ chức phi chính phủ tài trợ với giá trị cam kết 1.441.700 USD; 2022: 25 dự án, phi dự án do 13 tổ chức phi chính phủ, cá nhân tài trợ với giá trị cam kết 1.827.998 USD; 2023: 29 dự án, phi dự án của 20 tổ chức PCP tài trợ với tổng ngân sách cam kết 2.163.025 USD.

nghèo” của cả nước. Quy mô nền kinh tế còn nhỏ; tăng trưởng kinh tế chưa bền vững, chất lượng chưa cao. Chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu, trong đó chất lượng nguồn nhân lực phục vụ khoa học công nghệ, chuyển đổi số còn thiếu và yếu. Tỷ lệ hộ nghèo còn cao; kết quả giảm nghèo chưa bền vững.

Thiên tai và biến đổi khí hậu cùng với sự gia tăng các hiện tượng thời tiết cực đoan như lũ lụt, lũ quét, sạt lở đất, hạn hán, rét đậm, rét hại... tác động nhiều mặt, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển ổn định và bền vững.

Cải cách hành chính, chuyển đổi số và xây dựng chính quyền số còn nhiều hạn chế; hạ tầng số còn yếu, dịch vụ công trực tuyến mức độ cao chưa phát triển mạnh, tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ số còn thấp.

Việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo chủ trương chung đặt ra nhiều vấn đề mới trong quản lý, phân cấp, phân quyền, yêu cầu tinh gọn bộ máy nhưng vẫn đảm bảo hiệu lực, hiệu quả. Cùng với đó là thách thức trong bảo đảm tiếp cận dịch vụ công cho người dân ở vùng sâu, vùng xa; ổn định bộ máy tổ chức, nhân sự, duy trì hiệu quả cung ứng dịch vụ y tế, giáo dục, hành chính công trong điều kiện địa bàn rộng và dân cư phân tán.

Tình hình an ninh, trật tự trên một số lĩnh vực còn tiềm ẩn những yếu tố phức tạp, nhất là tại khu vực biên giới, vùng sâu, vùng xa.

4. Nguyên nhân

4.1. Những kết quả đạt được và nguyên nhân

4.1.1. Những kết quả đạt được

Trong bối cảnh khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, kết quả triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 khá tích cực, một số chỉ tiêu đạt và vượt mục tiêu đề ra như: kim ngạch xuất nhập khẩu qua địa bàn, thu ngân sách, chỉ tiêu giảm nghèo, chỉ tiêu văn hóa - xã hội, chỉ tiêu môi trường... có nhiều kết quả nổi bật có ý nghĩa lớn với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Cho thấy sự quyết tâm, đồng lòng trong chỉ đạo, điều hành khôi phục kinh tế, phòng chống dịch bệnh của cả hệ thống chính trị và sự nỗ lực, cố gắng của người dân, doanh nghiệp để thực hiện hiệu quả quá trình khôi phục và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn đạt khá 4,46%, các ngành kinh tế tiếp tục tăng trưởng, phát triển và chuyển dịch theo đúng định hướng, trong đó thương mại, dịch vụ là điểm sáng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh với tốc độ tăng trưởng 6,58%, tăng khá cao so với cả thời điểm trước dịch bệnh. Chất lượng sản xuất nông nghiệp dần đi vào chiều sâu, sản phẩm nông nghiệp gây dựng được thương hiệu trên thị trường. Công nghiệp khai khoáng, sản xuất điện khẳng định vị trí chủ lực trong công nghiệp địa phương, cho thấy công nghiệp đang khai thác đúng tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Du lịch phục hồi và tăng trưởng mạnh mẽ, có bước chuyển mình trong việc chuyển đổi số du lịch, ứng dụng công nghệ truyền thông tiên tiến trong quản lý, phát triển du lịch, việc đưa vào vận hành chính thức Khu cảnh quan thác Bản Giốc (Việt Nam) - Đức

Thiên (Trung Quốc) cùng với việc phát triển du lịch gắn với khai thác tiềm năng, lợi thế từ Công viên địa chất toàn cầu UNESCO non nước Cao Bằng sẽ mang lại nhiều cơ hội, triển vọng thúc đẩy phát triển và hợp tác du lịch. Kinh tế cửa khẩu tăng trưởng tích cực, nổi bật với số thu ngân sách cao nhất từ trước đến nay, có nhiều triển vọng, đặc biệt với sự kiện cửa khẩu Trà Lĩnh (Việt Nam) - Long Bang (Trung Quốc) được nâng cấp thành cửa khẩu quốc tế cùng với tuyến cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh hoàn thành sẽ là cơ sở, tiền đề phát triển mạnh mẽ kinh tế cửa khẩu. Hệ thống kết cấu hạ tầng từng bước được hoàn thiện, có thêm nhiều công trình, dự án quan trọng, đặc biệt là dự án trọng điểm cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh được khởi công xây dựng góp phần tháo gỡ “điểm nghẽn” về kết cấu hạ tầng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thu nội địa có sự chuyển biến tích cực, phản ánh rõ nét sự cải thiện về chất lượng hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Môi trường đầu tư kinh doanh không ngừng được cải thiện; số lượng doanh nghiệp, hợp tác xã ngày càng tăng; công tác quản lý hoạt động đầu tư trên địa bàn được đẩy mạnh theo hướng coi trọng chất lượng hơn số lượng và phát huy hiệu quả rõ rệt, đi vào thực chất. Thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp để giải quyết cơ bản các vấn đề phát sinh khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, giai đoạn 2019-2021, trong đó nổi bật là hoàn thành việc sắp xếp cán bộ, công chức dôi dư; tập trung triển khai quyết liệt, đảm bảo lộ trình, quy định đối với việc sắp xếp tổ chức, bộ máy, đơn vị hành chính cấp xã theo chủ trương tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW.

Công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được tăng cường. Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số có nhiều tiến bộ. Lĩnh vực văn hóa xã hội được quan tâm, triển khai có hiệu quả; chất lượng giáo dục được cải thiện, đảm bảo công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người; công tác bảo vệ, chăm lo, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm, đầu tư; chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội được triển khai hiệu quả. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện, nâng cao.

4.1.2. Nguyên nhân của kết quả.

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản, để đạt được những kết quả tích cực như trên, cần kể đến các nguyên nhân chủ yếu sau:

Sự quan tâm ủng hộ, tạo điều kiện giúp đỡ của Quốc hội, Chính phủ, các Ban, bộ, ngành trung ương và các tỉnh, thành phố trong cả nước.

Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã phát huy tinh thần đoàn kết, thống nhất, luôn sáng tạo trong cách nghĩ, cách làm, tranh thủ sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tạo điều kiện giúp đỡ của Trung ương.

Đảng bộ, chính quyền các cấp luôn quyết tâm, quyết liệt, tập trung, thống nhất trong triển khai các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước.

Xác định đúng tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, các điểm nghẽn, nút thắt để tập trung phát huy lợi thế, khắc phục điểm nghẽn bằng các chương trình, kế hoạch trọng tâm, đột phá.

Các cấp, các ngành, cán bộ đảng viên, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đồng sức, đồng lòng, tích cực đổi mới, lan tỏa sâu rộng khát vọng vươn lên, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tập trung cao độ và phát huy mạnh mẽ nội lực, bứt phá để xây dựng Cao Bằng ngày càng phát triển.

4.2. Hạn chế và nguyên nhân

4.2.1. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh bộc lộ những tồn tại, yếu kém, phản ánh những vấn đề có tính chất cơ bản và cần được nhìn nhận một cách khách quan, toàn diện để kịp thời khắc phục.

a) Về phát triển kinh tế

- *Tăng trưởng kinh tế còn thiếu tính bền vững, nội lực yếu, chưa hình thành động lực phát triển dài hạn, chuyển đổi mô hình tăng trưởng còn chậm.* Tăng trưởng kinh tế không đạt mục tiêu đề ra; nhiều chỉ tiêu then chốt như tổng vốn đầu tư, GRDP bình quân đầu người... đều không hoàn thành. Tái cơ cấu các ngành, lĩnh vực, nhất là khu vực công nghiệp, nông nghiệp gặp nhiều khó khăn; cơ cấu kinh tế có xu hướng chuyển dịch chưa rõ nét; thiếu các cực phát triển kinh tế, các động lực tăng trưởng mạnh và các động lực tăng trưởng mới mang tính đột phá; kinh tế số bước đầu hình thành phát triển; kinh tế tuần hoàn ở giai đoạn sơ khai. Trong nông nghiệp, đổi mới tổ chức sản xuất còn chậm; sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản hàng hóa chưa có sự bứt phá; việc ứng dụng khoa học công nghệ nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm còn hạn chế; công cuộc xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao còn nhiều khó khăn. Ngành công nghiệp còn nhỏ hẹp, phát triển chưa đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa: năng lực hấp thu khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong công nghiệp còn hạn chế; chưa tạo ra được các sản phẩm công nghiệp có sức cạnh tranh cao, ngành chế biến, chế tạo có xu hướng giảm so với giai đoạn trước. Tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ, du lịch chưa tương xứng tiềm năng, lợi thế; hoạt động xuất nhập khẩu chưa đa dạng về loại hình, số lượng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia xuất nhập khẩu còn hạn chế; chất lượng, độ bao phủ của một số ngành dịch vụ chưa đáp ứng yêu cầu: các ngành dịch vụ như: khoa học công nghệ; tư vấn; vận tải; logistics... chưa phát triển; chất lượng sản phẩm du lịch còn thấp, chưa thực sự chuyên nghiệp, bài bản, chưa có được nhiều sản phẩm đặc trưng, có sức hấp dẫn. Cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã còn nhỏ hẹp; năng lực hấp thụ, tiếp nhận, nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số còn hạn chế; nhiều yếu kém nội tại, hiệu quả hoạt động, năng lực cạnh tranh thấp. Kết quả thu hút đầu tư chưa đạt như kỳ vọng. Nguồn vốn đầu tư công chưa được tận dụng, phát huy triệt để.

- *Hệ thống hạ tầng kỹ thuật thiết yếu chưa đáp ứng yêu cầu kết nối liên vùng và lan tỏa chính sách phát triển, làm suy giảm năng lực cạnh tranh và hấp thụ nguồn lực.* Giao thông vùng cao còn chia cắt, nhiều xã chưa có đường nhựa hóa đến trung tâm; nhiều địa bàn lǎm sóng di động, chưa có điện lưới quốc gia; quá trình đô thị chậm, hạ tầng đô thị thiếu đồng bộ, hệ thống xử lý rác thải, nước thải còn lạc hậu, chưa đáp ứng tiêu chuẩn môi trường; hạ tầng du lịch chưa đáp ứng được nhu cầu của du khách; hạ tầng kinh tế cửa khẩu chưa được đầu tư đồng bộ theo quy hoạch; hệ thống logistics còn sơ khai; chưa có trung tâm logistics cấp vùng, các kho bãi quy mô lớn, cảng cạn, bến bãi chuyên dụng; hạ tầng khu, cụm công nghiệp chưa được đầu tư hoàn thiện; dịch vụ công cơ bản như giáo dục, y tế, thủ tục hành chính ở vùng sâu còn yếu về cơ sở vật chất, trang thiết bị. Chỉ số cải cách hành chính, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh ở mức thấp.

- *Chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo chưa trở thành động lực phát triển.* Cơ sở hạ tầng số thiếu đồng bộ: Mạng lưới viễn thông, internet tốc độ cao chưa phủ đều toàn tỉnh, vùng sâu, vùng xa còn nhiều điểm “lǎm sóng”, thiếu kết nối ổn định; trang thiết bị, nền tảng số phục vụ quản lý điều hành, cung cấp dịch vụ công còn phân tán, thiếu liên thông, hiệu quả khai thác chưa cao. Thiếu nhân lực và năng lực số: Cán bộ cơ sở và người dân thiếu kỹ năng số, còn xa lạ với công nghệ. Đổi mới sáng tạo còn manh mún, thiếu nền tảng: Hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp chưa hình thành rõ nét; thiếu các trung tâm hỗ trợ, vườn ươm doanh nghiệp công nghệ; doanh nghiệp trên địa bàn phần lớn là nhỏ và siêu nhỏ, thiếu các doanh nghiệp khoa học công nghệ, chưa có năng lực đầu tư cho nghiên cứu, cải tiến công nghệ, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn... Các chỉ số: đổi mới sáng tạo (PII), chỉ số chuyển đổi số (DTI) tỉnh Cao Bằng còn nằm trong nhóm các tỉnh thấp nhất cả nước.

b) Về Văn hóa - xã hội:

- *Phát triển văn hóa - xã hội chưa theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng và bảo đảm phát triển con người.* Chất lượng giáo dục, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia còn thấp so với mặt bằng chung của cả nước; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học nhiều nơi chưa đáp ứng yêu cầu, kinh phí đầu tư còn hạn chế; đội ngũ giáo viên còn thiếu, đặc biệt là giáo viên các môn Tin học, Tiếng Anh. Chất lượng một số dịch vụ y tế còn thấp, nhất là tuyến cơ sở; cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế chưa đáp ứng nhu cầu; tỷ lệ chi phí thanh toán dịch vụ y tế ngoài tỉnh trên tổng chi phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế còn cao (khoảng 30% mỗi năm); tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể thấp còi còn ở mức cao so với toàn quốc; tình hình ngộ độc thực phẩm còn diễn biến phức tạp. Chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế, số lượng lao động lành nghề thấp; sự gắn kết giữa đào tạo nghề với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp còn hạn chế. Hệ thống thiết chế phục vụ cho hoạt động văn hoá, thể thao ở cơ sở còn khó khăn, bất cập. Khoảng cách chênh lệch về trình độ phát triển, về đời sống giữa vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn và đô thị còn khá lớn; tỷ lệ hộ nghèo, hộ cứu đói cao so với bình quân chung của cả nước, nhất là tại

các xã đặc biệt khó khăn.

- *Thiếu những lực lượng xã hội nông cốt dẫn dắt xã hội và sự suy giảm gắn kết cộng đồng đang tạo ra rào cản đối với phát triển bền vững.* Tỷ lệ lao động trẻ rời quê ngày càng tăng, nhất là tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, trong khi khu vực công nghiệp, xây dựng và khu vực dịch vụ rất thiếu lao động, chủ yếu là người ngoại tỉnh; nhiều địa phương có số người trong độ tuổi lao động cư trú thực tế thấp so với hộ khẩu thường trú; sinh viên tốt nghiệp đại học phần lớn không trở lại địa phương công tác, đặc biệt là trong các ngành mũi nhọn như công nghệ, y tế, giáo dục; tình trạng già hóa dân số đang diễn ra rõ nét, khiến nguồn lao động, sản xuất tại chỗ bị suy yếu. Trên địa bàn tỉnh hầu như không có các tổ chức nghề nghiệp mạnh, hiệp hội doanh nghiệp ngành nghề hay các doanh nghiệp lớn, các nhóm cộng đồng chuyên môn hoạt động hiệu quả để dẫn dắt, tạo điểm tựa chuyển mình cho xã hội. Ở nhiều vùng sâu, vùng dân tộc thiểu số, có biểu hiện rõ nét của sự thờ ơ với các chính sách phát triển: người dân ít chủ động tham gia chương trình hỗ trợ sinh kế, giáo dục nghề, chuyển đổi số, các phong trào chung... một bộ phận có tâm lý “trông chờ, ỷ lại”, thiếu khát vọng vươn lên, cải thiện đời sống bằng chính nội lực.

c) Quốc phòng, an ninh và đối ngoại

Quốc phòng - an ninh còn tiềm ẩn nhiều thách thức; nổi lên một số vấn đề gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự: hoạt động xuất, nhập cảnh diễn biến tương đối phức tạp; các loại tội phạm về ma túy, tội phạm sử dụng công nghệ cao... vẫn còn xảy ra và diễn biến khó lường. Công tác cải cách tư pháp, giải quyết khiếu nại tố cáo có nơi còn chậm, tiềm ẩn nguy cơ gây bức xúc, mất ổn định từ cơ sở. Hoạt động đối ngoại tuy được mở rộng nhưng tính liên kết, hiệu quả thực chất của các thỏa thuận quốc tế còn hạn chế, chưa phát huy đầy đủ vai trò là kênh thu hút nguồn lực và hỗ trợ phát triển địa phương.

4.2.2. Nguyên nhân của hạn chế

Những “điểm nghẽn”, “nút thắt” của tỉnh đã được Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX chỉ ra chưa được giải quyết triệt để, vẫn là rào cản trong phát triển kinh tế, thu hút đầu tư, phát huy các tiềm năng, thế mạnh của địa phương, bên cạnh đó có những nguyên nhân chủ quan, khách quan như sau:

**Nguyên nhân khách quan*

Nửa đầu nhiệm kỳ, dịch Covid-19 bùng phát, diễn biến phức tạp; một số lĩnh vực kinh tế - xã hội phục hồi chậm sau đại dịch: chính sách thương mại biên giới hai bên Việt Nam - Trung Quốc còn chưa tương đồng, thống nhất; phía nước bạn thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 để theo đuổi chiến lược “Zero Covid” làm đứt gãy các chuỗi cung ứng, giá cả nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, giá bán một số sản phẩm lại thấp nên ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh, nhất là một số sản phẩm công nghiệp chủ lực của tỉnh; hoạt động xuất nhập khẩu, thương mại, dịch vụ chịu tác động mạnh; việc thực hiện các giải pháp gia hạn nộp thuế, ưu đãi về thuế để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân trong bối cảnh dịch bệnh đã ảnh hưởng

trực tiếp đến nguồn thu ngân sách; mặt khác, tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, thiên tai, dịch bệnh khó lường, đặc biệt chịu ảnh hưởng nặng nề bởi cơn bão số 3 (Yagi) năm 2024, cơn bão số 10 (Bualoi), số 11 (Matmo) năm 2025 đã ảnh hưởng lớn đến kết quả phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Hệ thống chính sách, pháp luật của Nhà nước, các hướng dẫn của Trung ương còn thiếu đồng bộ, chưa ổn định và nhất quán, đôi khi chậm trễ chế hoá, ảnh hưởng đến quá trình thực hiện các nhiệm vụ của địa phương.

Nguồn vốn đầu tư công của tỉnh phụ thuộc phần lớn vào việc cân đối và hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương, nguồn ngân sách tỉnh còn hạn chế, trong khi việc huy động nguồn lực ngoài ngân sách gặp nhiều trở ngại, do đó nguồn lực triển khai thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội gặp nhiều khó khăn.

** Nguyên nhân chủ quan*

Năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp uỷ, chính quyền còn yếu, chưa năng động, quyết liệt; chưa xác định rõ trọng tâm, trọng điểm, các giải pháp đột phá nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; một số hạn chế, yếu kém được chỉ ra còn chậm khắc phục.

Năng lực quản lý, điều hành của một số cơ quan, đơn vị, chính quyền cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu làm hạn chế khả năng cụ thể hóa, tổ chức thực hiện các chủ trương, định hướng của cấp trên để phát huy tiềm năng, lợi thế của ngành, địa phương; chậm giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong điều hành phát triển kinh tế - xã hội.

Sự phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương chưa thực sự đồng bộ, chủ động và kịp thời; cơ chế phối hợp còn lỏng lẻo, thiếu chặt chẽ, dẫn đến hiệu quả tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội chưa cao.

Trên một số lĩnh vực, còn thiếu những cơ chế, chính sách và giải pháp đột phá nhằm tạo sự chuyển biến rõ nét, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Chưa có sự đồng bộ giữa cơ chế, chính sách đề ra với bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện; thiếu những giải pháp mang tính đột phá để huy động tối đa các nguồn lực đầu tư trong nhân dân.

Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chưa đồng đều, một bộ phận còn hạn chế về trình độ, kỹ năng, chưa đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới; thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao, đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học trong các lĩnh vực then chốt như công nghệ thông tin, du lịch, khoa học - công nghệ, lao động kỹ thuật... một số cán bộ, công chức, viên chức ngại va chạm, thiếu tinh thần trách nhiệm, chưa chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm trong thực thi công vụ

5. Bài học kinh nghiệm

Thứ nhất, tuyệt đối không chủ quan, lơ là, mất cảnh giác trước các dịch bệnh và bão lũ, thiên tai, biến đổi khí hậu; đẩy mạnh tiêm các loại vaccine an toàn, khoa học, hiệu quả; làm tốt công tác theo dõi, dự báo, chủ động ứng phó với thiên tai.

Thứ hai, cần quán triệt, nghiêm túc triển khai các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng và có sự vào cuộc với quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, sự đoàn kết nhất trí của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân.

Thứ ba, nắm chắc tình hình thực tiễn, phản ứng chính sách kịp thời, phù hợp; tổ chức thực hiện với quyết tâm cao, hành động quyết liệt, hiệu quả; khơi thông, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực bên trong và bên ngoài.

Thứ tư, phát huy sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc; khơi dậy khát vọng, ý chí, lòng tự hào, tự tôn dân tộc và tinh thần thi đua sáng tạo trong mọi tầng lớp nhân dân; tích cực cổ vũ, động viên nhân dân thay đổi nhận thức, nỗ lực phấn đấu, hăng say lao động, sản xuất, học tập, tự giác vươn lên thoát nghèo và làm giàu chính đáng.

Thứ năm, giữ vững kỷ luật, kỷ cương; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực và tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Thứ sáu, lấy con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất, là động lực và mục tiêu của sự phát triển; chú trọng ưu tiên bố trí nguồn lực cho phát triển văn hóa, xã hội; đẩy mạnh truyền thông chính sách, góp phần tạo đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin trong Nhân dân.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021 về Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, CVNCTH;
- Lưu: VT, XD_B.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hải Hòa